

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH
SỬ DỤNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ
VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
MÃ SỐ: 13.01.24.F.05

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hà Huyền Trang

HÀ NỘI - 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH
SỬ DỤNG DỊCH VỤ KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ
VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
MÃ SỐ: 13.01.24.F.05

Chủ nhiệm đề tài

Hà Huyền Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội*

- Mã số: 13.01.24.F.05

- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hà Huyền Trang

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định và đo lường các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Mục tiêu này nhằm cung cấp hiểu biết toàn diện về các yếu tố hình thành quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc áp dụng và sử dụng dịch vụ kế toán.

Mục tiêu cụ thể

- Xác định những yếu tố chính có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đo lường mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đưa ra các kiến nghị cho các nhà cung cấp dịch vụ kế toán, nhà hoạch định chính sách và chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các dịch vụ kế toán trong khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Tính mới và sáng tạo

Về mặt lý thuyết

Nghiên cứu này sẽ bổ sung vào khối kiến thức hiện có về quản lý tài chính của SME và các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các dịch vụ chuyên nghiệp. Nghiên cứu sẽ cung cấp những hiểu biết cụ thể về bối cảnh của Hà Nội, có thể được so sánh với các phát hiện từ các khu vực và quốc gia khác. Nghiên cứu sẽ đóng góp vào các lý thuyết như Quan điểm dựa trên nguồn lực (RBV) và Mô hình

chấp nhận công nghệ (TAM) trong bối cảnh áp dụng dịch vụ kế toán của SME (Barney, 1991; Davis, 1989).

Về mặt thực tiễn

Bằng cách xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nghiên cứu này sẽ cho phép các nhà cung cấp dịch vụ điều chỉnh các dịch vụ của họ hiệu quả hơn. Họ có thể phát triển các chiến lược tiếp thị có mục tiêu, điều chỉnh các dịch vụ của mình để giải quyết các nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp vừa và nhỏ và có khả năng mở rộng cơ sở khách hàng của họ (Blackburn và cộng sự, 2018).

Các phát hiện sẽ cung cấp những hiểu biết có giá trị cho các cơ quan chính phủ và các nhà hoạch định chính sách chịu trách nhiệm phát triển SME tại Hà Nội. Thông tin này có thể cung cấp thông tin cho việc tạo ra các chính sách, quy định và sáng kiến hỗ trợ khuyến khích áp dụng các thông lệ kế toán chuyên nghiệp trong các SME (Dang-Duc và cộng sự, 2006).

Nghiên cứu sẽ cung cấp cho chủ sở hữu và quản lý SME hiểu biết rõ hơn về những lợi ích và thách thức liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán. Kiến thức này có thể giúp họ đưa ra quyết định phù hợp hơn về chiến lược quản lý tài chính của mình và có khả năng cải thiện hiệu suất kinh doanh của họ (Carey & Tanewski, 2016).

4. Kết quả nghiên cứu

- Tác giả đã hệ thống lý luận cơ bản về SME, dịch vụ kế toán cho SME, các lý thuyết nền tảng cơ bản giải thích cho quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME.

- Trên cơ sở lý luận về cơ bản về SME, dịch vụ kế toán cho SME; quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME và dữ liệu thu thập từ các bảng khảo sát, tác giả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất một số kiến nghị phù hợp với các bên liên quan.

5. Sản phẩm

- Báo cáo tổng hợp; Báo cáo tóm tắt;

- Bài báo khoa học: Study the factors affecting the decision to use accounting services of small and medium enterprises in Hanoi

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

- Kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế, là tài liệu trong quá trình học tập, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên thuộc khối ngành kế toán, kiểm toán.

- Chuyển giao toàn bộ kết quả nghiên cứu cho trung tâm thư viện và công nghệ thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận, các giải pháp nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ đưa ra quyết định sáng suốt hơn về hoạt động quản lý tài chính và việc sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Đồng thời, có thể hướng dẫn các nhà cung cấp trong việc tinh chỉnh các dịch vụ cung cấp để phục vụ tốt hơn cho thị trường doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Có thể làm tài liệu để các nhà quản lý các SME tham khảo.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General Information

- Project title: *Research on factors affecting the decision to use accounting services of small and medium enterprises in Hanoi*

- Code: 13.01.24.F.05.

- Project manager: MSc. Ha Huyen Trang

- Chairing organization: University of Natural Resources and Environment in Hanoi

- Implementation period: 2024

2. Objectives

General objectives

The main objective of this study is to identify and measure the main factors affecting the decision to use accounting services of small and medium enterprises in Hanoi. This objective is to provide a comprehensive understanding of the decision making factors of SMEs in relation to the application and use of accounting services.

Specific objectives

- Identify the main factors that affect the decision to use accounting services of SMEs in Hanoi city.

- Measure the influence of each factor on the decision to use accounting services of SMEs in Hanoi city.

- Make recommendations to accounting service providers, policy makers, and SME owners/managers to promote the effective use of accounting services in the SME sector.

3. Innovativeness and creativeness

Theoretically

This study will add to the existing knowledge of SME financial management and factors affecting the application of professional services. The study will provide specific insights into the context of Hanoi, which can be compared with findings from other regions and countries. The research will contribute to theories such as the Resource-Based Perspective (RBV) and Technology Acceptance Model (TAM) in the context of SME accounting service adoption (Barney, 1991; Davis, 1989).

Practical significance

By identifying the factors that influence SMEs' decision to use accounting services, this study will allow service providers to tailor their services more effectively. They can develop targeted marketing strategies, tailor their services to address the specific needs of SMEs and potentially expand their customer base (Blackburn et al., 2018).

The findings will provide valuable insights for government agencies and policymakers responsible for SME development in Hanoi. This information can inform the creation of policies, regulations, and initiatives that support the encouragement of the application of professional accounting practices among SMEs (Dang-Duc et al., 2006).

The study will provide SME owners and managers with a better understanding of the benefits and challenges associated with using accounting services. This knowledge can help them make more appropriate decisions about their financial management strategy and potentially improve their business performance (Carey & Tanewski, 2016).

4. Research results

- The author has a basic theory of SMEs, accounting services for SMEs, the basic theories explaining the decision to use accounting services of SMEs.

- Based on the basic theory of SMEs, accounting services for SMEs; the decision to use accounting services of SMEs and data collected from the survey tables, the author assesses the influence of factors on the decision to use accounting services of SMEs in Hanoi.

- From the research results, the author proposes some recommendations suitable for stakeholders.

5. Product

- Synthesis report; Summary report;

- Scientific paper.: Study the factors affecting the decision to use accounting services of small and medium enterprises in Hanoi

6. Method of transfer, application address, impact and benefits of research results

- Research results are transferred to: The Department of Auditing, Faculty of Economics, is a document in the learning and research process of lecturers and students in the field of accounting and auditing.

- Transfer all research results to the library and information technology center for archiving and reference.
- Contributing to the improvement of the theoretical basis system and solutions to improve customer satisfaction with financial statement audit services performed by independent auditing companies.
- Be able to make documents for the reference of managers of enterprises and corporations.

MỤC LỤC

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	iii
1. Thông tin chung.....	iii
2. Mục tiêu.....	iii
3. Tính mới và sáng tạo.....	iii
4. Kết quả nghiên cứu.....	iv
5. Sản phẩm.....	iv
6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu.....	v
INFORMATION ON RESEARCH RESULTS.....	vi
MỤC LỤC.....	ix
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Kết cấu của đề tài.....	3
Chương 1 TỔNG QUAN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	4
1.1. Nghiên cứu về doanh nghiệp nhỏ và vừa và dịch vụ kế toán.....	4
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán.....	5
1.3. Kết luận rút ra từ tổng quan nghiên cứu.....	9
Chương 2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT.....	11
2.1. Các lý thuyết nền tảng.....	11
2.1.1. Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM).....	11
2.1.2. Quan điểm dựa trên nguồn lực (RBV).....	12
2.1.3. Lý thuyết thể chế.....	13
2.2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	14
2.2.1. Khái niệm về đặc điểm.....	14
2.2.2. Tầm quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế.....	17

2.2.3. Thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	19
2.3. Dịch vụ kế toán và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán	22
2.3.1. Dịch vụ kế toán.....	22
2.3.2. Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán	25
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán	26
2.4.1. Cân nhắc về chi phí.....	26
2.4.2. Cân nhắc về lợi ích nhận được	26
2.4.3. Tuân thủ quy định.....	27
2.4.4. Sự phức tạp trong kinh doanh.....	28
2.4.5. Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý	29
2.4.6. Áp lực bên ngoài.....	31
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	33
3.1. Quy trình nghiên cứu.....	33
3.1.1. Thiết kế nghiên cứu	33
3.1.2. Quy trình nghiên cứu.....	33
3.2. Phát triển giả thuyết nghiên cứu.....	34
3.2.1. Chi phí thuê ngoài	34
3.2.2. Nhận thức về lợi ích	35
3.2.3. Môi trường pháp lý.....	36
3.2.4. Đặc điểm của chủ sở hữu/quản lý doanh nghiệp.....	37
3.2.5. Áp lực bên ngoài.....	38
3.3. Quy trình nghiên cứu định lượng	39
3.3.1. Thiết kế câu hỏi khảo sát.....	39
3.3.2. Đối tượng khảo sát	40
3.3.3. Chọn mẫu khảo sát	40
3.3.4. Phương pháp khảo sát và thu thập dữ liệu	40
3.4. Xây dựng thang đo	41
3.5. Phương pháp đo lường và xử lý dữ liệu.....	42
CHƯƠNG 4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	44

4.1. Thống kê mô tả mẫu.....	44
4.2. Kết quả kiểm định chất lượng thang đo.....	45
4.3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA).....	47
4.4. Kết quả phân tích tương quan Pearson.....	49
4.5. Kết quả phân tích hồi quy	50
CHƯƠNG 5 THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, CÁC KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT.....	53
5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu	53
5.2. Các kiến nghị đề xuất	55
5.2.1. Ý nghĩa đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ	55
5.2.2. Ý nghĩa đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán.....	58
5.2.3. Kiến nghị cho các nhà hoạch định chính sách.....	61
5.3. Những hạn chế của nghiên cứu và đề xuất cho nghiên cứu trong tương lai..	64
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Bảng

Bảng 3.1: Mã hóa thuộc tính ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME	41
Bảng 4.1. Đặc điểm của đối tượng được khảo sát	44
Bảng 4.2: Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME.....	45
Bảng 4.3: Bảng tổng hợp kết quả kiểm định chất lượng thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME	46
Bảng 4.4. Bảng kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho biến độc lập	47
Bảng 4.5: Ma trận xoay các nhân tố.....	48
Bảng 4.6. Kết quả phân tích tương quan Pearson	49
Bảng 4.7. Kết quả hồi quy tuyến tính Coefficients ^a	50
Bảng 4.8. Bảng tóm tắt mô hình ^b	50
Bảng 4.9. Bảng phân tích ANOVA ^a mô hình	51

Hình

Hình 3.1: Mô hình nghiên cứu đề xuất	36
--	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia trên toàn thế giới và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, với các SME đóng góp đáng kể vào sự tiến bộ này (Nguyen et al., 2018). Tính đến năm 2020, SME chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam, đóng góp vào 45% GDP của cả nước và sử dụng 50% lực lượng lao động (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2021).

Hà Nội, thủ đô của Việt Nam, đóng vai trò là trung tâm kinh tế lớn và là nơi có số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm sản xuất, dịch vụ và thương mại. Tuy nhiên, giống như các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các nước đang phát triển khác, những doanh nghiệp ở Hà Nội phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là trong quản lý tài chính và thực hành kế toán (Le et al., 2020).

Kế toán và quản lý tài chính phù hợp là điều cần thiết cho sự thành công và bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chúng cho phép các doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp, tuân thủ các yêu cầu theo quy định và thu hút các nhà đầu tư hoặc chủ nợ tiềm năng (Carey, 2015). Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội thiếu chuyên môn hoặc nguồn lực cần thiết để duy trì hệ thống kế toán hiệu quả của mình. Tình hình này đã dẫn đến sự quan tâm ngày càng tăng đối với các dịch vụ kế toán thuê ngoài như một giải pháp tiềm năng.

Quyết định thuê ngoài dịch vụ kế toán chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm cân nhắc về chi phí, lợi ích nhận được, yêu cầu tuân thủ quy định, tính phức tạp của doanh nghiệp, đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý và áp lực bên ngoài (Everaert và cộng sự, 2007). Việc hiểu các yếu tố này trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội là rất quan trọng đối với cả bản thân doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ kế toán.

Mặc dù có những lợi ích tiềm tàng khi sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội vẫn còn ngần ngại áp dụng. Sự ngần ngại này có thể xuất phát từ việc thiếu nhận thức, hạn chế về tài chính hoặc các yếu tố văn hóa đặc thù của môi trường kinh doanh Việt Nam (Phan và cộng sự, 2019). Việc sử dụng không đầy đủ các dịch vụ kế toán có thể dẫn đến quản lý tài

chính kém hiệu quả, không tuân thủ quy định và bỏ lỡ các cơ hội tăng trưởng và đầu tư.

Các nghiên cứu trước đây đã xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các dịch vụ kế toán trong nhiều bối cảnh khác nhau. Ví dụ, Kamyabi & Devi (2011) đã nghiên cứu vấn đề này trong số các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran, trong khi Nandan (2010) tập trung vào Fiji. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu nghiên cứu toàn diện về chủ đề này dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, Việt Nam. Môi trường kinh tế, văn hóa và pháp lý độc đáo của Hà Nội đòi hỏi phải có một nghiên cứu có mục tiêu để hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các dịch vụ kế toán trong bối cảnh này.

Hơn nữa, bối cảnh kinh doanh đang phát triển nhanh chóng tại Việt Nam, đặc trưng bởi sự gia tăng số hóa và thay đổi về quy định, làm tăng thêm sự phức tạp cho quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến dịch vụ kế toán (Nguyen & Nguyen, 2020). Môi trường năng động này nhấn mạnh nhu cầu nghiên cứu cập nhật để cung cấp thông tin cho cả doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhà cung cấp dịch vụ.

Do vậy, tác giả thực hiện đề tài: ***“Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội”*** nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua đó, cung cấp những hiểu biết thực tế cho các nhà cung cấp dịch vụ để nâng cao lợi thế cạnh tranh của họ trong môi trường kinh doanh năng động của Hà Nội.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định và đo lường các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Mục tiêu này nhằm cung cấp hiểu biết toàn diện về các yếu tố hình thành quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc áp dụng và sử dụng dịch vụ kế toán.

Mục tiêu cụ thể

- Xác định những yếu tố chính có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đo lường mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đưa ra các kiến nghị cho các nhà cung cấp dịch vụ kế toán, nhà hoạch định chính sách và chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các dịch vụ kế toán trong khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME.

Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Thực hiện khảo sát nhận thức của chủ doanh nghiệp; quản lý kế toán, và nhà quản lý doanh nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về thời gian: Đề tài nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ 01/2024-11/2024.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng. Trong đó, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp, hỏi quy điển giải trên cơ sở khảo cứu các tài liệu có liên quan để từ đó xác định các nhân tố chính có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME, sau đó sử dụng công cụ khảo sát là bảng câu hỏi được gửi trực tiếp hoặc qua email hoặc khảo sát trực tuyến qua công cụ Google Docs đến các đối tượng khảo sát. Các kỹ thuật phân tích thống kê với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS22.0 được sử dụng để đưa ra được kết quả nghiên cứu bao gồm: thống kê tần số, đánh giá độ tin cậy Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính bội.

5. Kết cấu của đề tài

Đề tài được chia thành 5 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan đề tài nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu

Chương 5: Thảo luận kết quả nghiên cứu, các kiến nghị và đề xuất

Chương 1

TỔNG QUAN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Nghiên cứu về doanh nghiệp nhỏ và vừa và dịch vụ kế toán

Mối quan hệ giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và dịch vụ kế toán là chủ đề được các nhà nghiên cứu quan tâm do vai trò quan trọng của quản lý tài chính đối với sự thành công và tính bền vững của các doanh nghiệp này. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã khám phá các khía cạnh khác nhau của mối quan hệ này, làm sáng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, những lợi ích và thách thức liên quan đến các dịch vụ này và tác động của các hoạt động kế toán đến hiệu quả kinh doanh.

Lợi ích và thách thức khi sử dụng dịch vụ kế toán

Một khía cạnh quan trọng được khám phá trong tài liệu là những lợi ích và thách thức liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một nghiên cứu của Gul & Leong (1993) đã xem xét những lợi ích của việc thuê ngoài các chức năng kế toán trong số các doanh nghiệp nhỏ ở Úc. Các phát hiện chỉ ra rằng việc thuê ngoài các dịch vụ kế toán dẫn đến việc cải thiện quản lý tài chính, tăng cường tuân thủ các yêu cầu của quy định và ra quyết định tốt hơn. Mặt khác, nghiên cứu cũng xác định những thách thức như nguy cơ rò rỉ thông tin và sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp bên ngoài. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Marriott & Marriott (2000) tại Hoa Kỳ phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài các chức năng kế toán của họ đã trải qua việc cải thiện báo cáo tài chính, lập kế hoạch tốt hơn và giảm gánh nặng hành chính. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nêu bật những thách thức liên quan đến chất lượng dịch vụ, chi phí và sự phù hợp giữa các mục tiêu của nhà cung cấp bên ngoài với các mục tiêu chiến lược của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tác động của dịch vụ kế toán đến hiệu quả kinh doanh

Một số nghiên cứu cũng đã xem xét tác động của các dịch vụ kế toán đến hiệu suất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một nghiên cứu của Bhimani (2009) đã khám phá vai trò của các hoạt động kế toán quản lý trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các phát hiện cho thấy các hoạt động kế toán quản lý hiệu quả, bao gồm phân tích chi phí, lập ngân sách và đo lường hiệu suất, có liên quan tích cực đến việc cải thiện hiệu suất kinh doanh. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Chenhall (2003) phát hiện ra rằng việc sử dụng các kỹ thuật kế toán quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp vừa và nhỏ dẫn

đến việc ra quyết định chiến lược tốt hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện hiệu suất tài chính. Các nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của các dịch vụ kế toán trong việc thúc đẩy thành công và tính bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nghiên cứu trường hợp và nghiên cứu định tính

Các phương pháp nghiên cứu định tính, bao gồm các nghiên cứu tình huống và phỏng vấn, cũng đã được sử dụng để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các dịch vụ kế toán. Một nghiên cứu tình huống của Otley (1994) đã khám phá các hoạt động kế toán của một công ty sản xuất nhỏ ở Vương quốc Anh. Các phát hiện nêu bật tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định chiến lược và những thách thức mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đối mặt khi triển khai các hoạt động kế toán tiên tiến. Tương tự như vậy, một nghiên cứu định tính của Burns & Scapens (2000) đã xem xét vai trò của thông tin kế toán trong việc quản lý các doanh nghiệp nhỏ. Các tác giả nhận thấy rằng thông tin kế toán không chỉ được sử dụng để kiểm soát tài chính mà còn để lập kế hoạch chiến lược, đánh giá hiệu suất và ra quyết định. Các nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết có giá trị về các khía cạnh thực tế của các dịch vụ kế toán và tác động của chúng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Sự khác biệt giữa khu vực và ngành

Các nghiên cứu thực nghiệm cũng đã khám phá những khác biệt theo khu vực và theo ngành trong việc sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một nghiên cứu của Granlund & Lukka (1998) đã so sánh các hoạt động kế toán quản lý của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Phần Lan và Thụy Điển. Các phát hiện chỉ ra rằng mặc dù có những điểm tương đồng trong việc áp dụng các hoạt động kế toán cơ bản, nhưng lại có những khác biệt đáng kể trong việc sử dụng các kỹ thuật kế toán quản lý nâng cao. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Sim & Killough (1998) đã xem xét việc sử dụng các hệ thống kế toán quản lý tại các công ty ở New Zealand và phát hiện ra rằng mức độ tinh vi trong các hoạt động kế toán khác nhau giữa các ngành khác nhau. Các nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét các đặc thù theo khu vực và theo ngành khi phân tích mối quan hệ giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các dịch vụ kế toán.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán

Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán là quyết định quan trọng đối với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì nó có thể tác động đáng kể đến việc quản lý tài chính,

tuân thủ và lập kế hoạch chiến lược của họ. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã được tiến hành để xác định và hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định này. Các nghiên cứu này đã xem xét nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài, cung cấp những hiểu biết có giá trị về quá trình ra quyết định phức tạp liên quan.

Các yếu tố bên trong

Các yếu tố nội bộ đề cập đến các đặc điểm và điều kiện trong tổ chức có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Một trong những yếu tố nội bộ được trích dẫn phổ biến nhất là quy mô của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ lớn hơn thường có hoạt động tài chính phức tạp hơn và nhiều nguồn lực hơn, điều này có thể khiến việc sử dụng các dịch vụ kế toán bên ngoài khả thi và có lợi hơn. Ví dụ, một nghiên cứu của Cohen và Kaimenaki (2007) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ lớn hơn ở Hy Lạp có nhiều khả năng thuê ngoài các chức năng kế toán của họ do nhu cầu về chuyên môn chuyên sâu và khả năng chi trả cho các dịch vụ này. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther (2006) tại Vương quốc Anh xác định rằng tính phức tạp của các nhiệm vụ kế toán và tính khả dụng của chuyên môn nội bộ là những yếu tố quyết định quan trọng đến quyết định thuê ngoài các dịch vụ kế toán. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiệm vụ kế toán phức tạp hơn và chuyên môn nội bộ hạn chế có nhiều khả năng tìm kiếm sự hỗ trợ bên ngoài.

Một yếu tố nội tại quan trọng khác là nguồn lực tài chính mà SME có thể có. Chi phí dịch vụ kế toán có thể là rào cản đáng kể đối với nhiều SME, đặc biệt là những SME có nguồn lực tài chính hạn chế. Một nghiên cứu của Gul và Leong (1993) tại Úc cho thấy tiết kiệm chi phí là động lực chính thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ thuê ngoài các chức năng kế toán. Các SME không đủ khả năng duy trì một bộ phận kế toán nội bộ thường lựa chọn các dịch vụ bên ngoài để giảm chi phí. Ngoài ra, các mục tiêu và ưu tiên chiến lược của SME có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Các SME ưu tiên tăng trưởng và mở rộng có thể có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp để nâng cao khả năng quản lý tài chính và ra quyết định của mình.

Ngoài ra, một trong những lĩnh vực nghiên cứu chính là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther (2006) đã điều tra các yếu tố quyết định việc thuê ngoài dịch vụ kế toán trong số các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Vương quốc Anh. Các tác giả nhận thấy rằng tiết kiệm chi phí, tiếp cận với

chuyên môn chuyên sâu và nhu cầu tuân thủ các yêu cầu của quy định là những động lực quan trọng khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài các chức năng kế toán của mình. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Cohen và Kaimenaki (2007) tại Hy Lạp đã xác định rằng quy mô doanh nghiệp, tính phức tạp của các nhiệm vụ kế toán và tính khả dụng của chuyên môn nội bộ là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài. Các nghiên cứu này làm nổi bật bản chất đa diện của quá trình ra quyết định, trong đó cả các yếu tố bên trong và bên ngoài đều đóng vai trò quan trọng.

Các yếu tố bên ngoài

Các yếu tố bên ngoài đề cập đến các điều kiện và ảnh hưởng bên ngoài tổ chức có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Một trong những yếu tố bên ngoài quan trọng nhất là môi trường pháp lý. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải tuân thủ nhiều quy định về kế toán và thuế, có thể phức tạp và tốn thời gian. Một nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther (2006) cho thấy nhu cầu tuân thủ các yêu cầu pháp lý là động lực chính thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài dịch vụ kế toán tại Vương quốc Anh. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Marriott và Marriott (2000) tại Hoa Kỳ xác định rằng tuân thủ pháp lý là lý do chính khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài các chức năng kế toán của mình. Các nhà cung cấp dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể cung cấp chuyên môn chuyên biệt và luôn cập nhật các thay đổi về pháp lý, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm bảo tuân thủ và tránh bị phạt.

Cạnh tranh thị trường là một yếu tố bên ngoài quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong các thị trường có tính cạnh tranh cao có thể cần tập trung nguồn lực của mình vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi để duy trì khả năng cạnh tranh. Việc thuê ngoài dịch vụ kế toán có thể cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ tập trung vào năng lực cốt lõi của mình trong khi vẫn đảm bảo rằng hoạt động quản lý tài chính của họ được xử lý một cách chuyên nghiệp. Một nghiên cứu của Chenhall (2003) cho thấy việc các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng các kỹ thuật kế toán quản lý tiên tiến dẫn đến việc ra quyết định chiến lược tốt hơn và nâng cao hiệu quả hoạt động, điều này có thể rất quan trọng trong các thị trường cạnh tranh.

Tính sẵn có và chất lượng của các nhà cung cấp dịch vụ kế toán trên thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các dịch vụ này. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận các nhà cung cấp dịch vụ kế toán đáng tin cậy và

chất lượng cao có nhiều khả năng thuê ngoài các chức năng kế toán của họ. Một nghiên cứu của Sim và Killough (1998) tại New Zealand cho thấy mức độ tinh vi trong các hoạt động kế toán khác nhau giữa các lĩnh vực khác nhau, làm nổi bật tầm quan trọng của tính sẵn có của các nhà cung cấp dịch vụ chuyên biệt. Ngoài ra, các điều kiện kinh tế và môi trường kinh doanh có thể ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các dịch vụ kế toán. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong nền kinh tế ổn định và đang phát triển có thể có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp để hỗ trợ cho sự tăng trưởng và mở rộng của họ.

Lợi ích và thách thức được nhận thức

Những lợi ích và thách thức được nhận thấy liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ kế toán cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một nghiên cứu của Gul và Leong (1993) đã xác định một số lợi ích của việc thuê ngoài các chức năng kế toán, bao gồm cải thiện quản lý tài chính, tăng cường tuân thủ các yêu cầu của quy định và ra quyết định tốt hơn. Mặt khác, nghiên cứu cũng nêu bật những thách thức như rủi ro rò rỉ thông tin, sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp bên ngoài và những khoảng cách giao tiếp tiềm ẩn. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Marriott và Marriott (2000) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài các chức năng kế toán của mình đã cải thiện báo cáo tài chính, lập kế hoạch tốt hơn và giảm gánh nặng hành chính. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng xác định những thách thức liên quan đến chất lượng dịch vụ, chi phí và sự phù hợp giữa các mục tiêu của nhà cung cấp bên ngoài với các mục tiêu chiến lược của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các yếu tố văn hóa và thể chế

Các yếu tố văn hóa và thể chế cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc định hình quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Một nghiên cứu của Zheng, Yang và Li (2013) tại Trung Quốc cho thấy các giá trị văn hóa như chủ nghĩa tập thể, định hướng dài hạn và khoảng cách quyền lực ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Ramdhani (2012) tại Indonesia xác định rằng các chuẩn mực văn hóa, môi trường pháp lý và sự hỗ trợ của thể chế là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc áp dụng các thông lệ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét bối cảnh văn hóa và thể chế khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán.

Các nghiên cứu định tính

Các phương pháp nghiên cứu định tính, bao gồm các nghiên cứu tình huống và phỏng vấn, cũng đã được sử dụng để hiểu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Một nghiên cứu tình huống của Otley (1994) tại Vương quốc Anh đã khám phá các hoạt động kế toán của một công ty sản xuất nhỏ và nhấn mạnh tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định chiến lược. Tương tự như vậy, một nghiên cứu định tính của Burns và Scapens (2000) đã xem xét vai trò của thông tin kế toán trong việc quản lý các doanh nghiệp nhỏ và phát hiện ra rằng thông tin kế toán không chỉ được sử dụng để kiểm soát tài chính mà còn để lập kế hoạch chiến lược, đánh giá hiệu suất và ra quyết định. Các nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết có giá trị về các khía cạnh thực tế của dịch vụ kế toán và tác động của chúng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3. Kết luận rút ra từ tổng quan nghiên cứu

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, vẫn còn một số khoảng trống đáng kể trong các tài liệu hiện có, đặc biệt là khi xem xét bối cảnh của các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) ở các nền kinh tế đang phát triển như Hà Nội, Việt Nam. Việc giải quyết những khoảng trống này là rất quan trọng để cung cấp sự hiểu biết toàn diện về các quy trình ra quyết định liên quan và để cung cấp thông tin cho các đề xuất thực tế nhằm tăng cường việc áp dụng các dịch vụ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hầu hết các nghiên cứu hiện có đều được tiến hành ở các nước phát triển, chẳng hạn như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và các quốc gia châu Âu. Các nghiên cứu này thường tập trung vào các tập đoàn lớn hoặc các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã thành lập lâu đời, có thể không phản ánh chính xác những thách thức và hoàn cảnh riêng biệt mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đối mặt trong bối cảnh đang phát triển.

Môi trường kinh tế, văn hóa và thể chế ở các nền kinh tế đang phát triển có thể khác biệt đáng kể so với các nền kinh tế phát triển. Các yếu tố như khả năng tiếp cận hạn chế với các nguồn tài chính, thực thi quy định yếu hơn và các chuẩn mực văn hóa có thể ảnh hưởng riêng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các bối cảnh này. Do đó, có nhu cầu cấp thiết về nghiên cứu giải quyết cụ thể các kinh nghiệm và thách thức của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, để cung cấp hiểu biết sâu sắc hơn và phù hợp với bối cảnh hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của họ.

Trong khi các nghiên cứu hiện tại đã xác định nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, vẫn thiếu các phân tích toàn diện tích hợp cả hai nhóm yếu tố này. Hầu hết các nghiên cứu có xu hướng tập trung vào các yếu tố bên trong, chẳng hạn như quy mô tổ chức và nguồn lực tài chính, hoặc các yếu tố bên ngoài, chẳng hạn như môi trường pháp lý và cạnh tranh thị trường, mà không khám phá đầy đủ sự tương tác giữa các yếu tố này. Ví dụ, một nghiên cứu của Cohen và Kaimenaki (2007) đã xác định các yếu tố bên trong như quy mô doanh nghiệp và tính phức tạp của các nhiệm vụ kế toán, nhưng không khám phá sâu rộng vai trò của các yếu tố bên ngoài trong quá trình ra quyết định. Tương tự như vậy, một nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther (2006) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiết kiệm chi phí và tuân thủ quy định nhưng không tích hợp các yếu tố này vào một khuôn khổ toàn diện. Hiểu được sự tương tác giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài là rất quan trọng để cung cấp sự hiểu biết toàn diện về quá trình ra quyết định. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường phải đối mặt với sự tương tác phức tạp giữa các ràng buộc bên trong và áp lực bên ngoài, cùng nhau định hình các quyết định của họ liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ kế toán. Do đó, cần có nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận tích hợp hơn, xem xét cách các yếu tố bên trong và bên ngoài tương tác và ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Các lý thuyết nền tảng

Để giải thích tác động của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội, nghiên cứu áp dụng một số lý thuyết cơ bản, các lý thuyết này cung cấp một khuôn khổ khái niệm để hiểu mối quan hệ giữa các nhân tố với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME. Nghiên cứu này chủ yếu sẽ dựa trên ba lý thuyết đã được thiết lập: Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), Quan điểm dựa trên nguồn lực (RBV) và Lý thuyết thể chế.

2.1.1. Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM)

Mô hình chấp nhận công nghệ, ban đầu được Davis (1989) đề xuất, là một khuôn khổ được sử dụng rộng rãi để hiểu cách người dùng chấp nhận và sử dụng công nghệ. Mặc dù dịch vụ kế toán không hoàn toàn là công nghệ, nhưng các nguyên tắc của TAM có thể được áp dụng vào các hoạt động kinh doanh hoặc dịch vụ mới, bao gồm cả dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

TAM đưa ra giả thuyết rằng có hai yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống mới của một cá nhân: tính hữu ích được nhận thức và tính dễ sử dụng được nhận thức. Trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng dịch vụ kế toán tại Hà Nội, tính hữu ích được nhận thức sẽ liên quan đến mức độ mà chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ tin rằng sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp sẽ nâng cao hiệu quả kinh doanh của họ. Điều này có thể bao gồm quản lý tài chính được cải thiện, ra quyết định tốt hơn hoặc tuân thủ các quy định được nâng cao.

Trong bối cảnh này, tính dễ sử dụng được nhận thức sẽ đề cập đến mức độ mà chủ sở hữu SME tin rằng việc sử dụng các dịch vụ kế toán sẽ không tốn công sức. Điều này có thể liên quan đến các cân nhắc như tính dễ dàng trong việc giao tiếp với kế toán, tính đơn giản trong việc chuyển giao thông tin tài chính hoặc tính rõ ràng của các báo cáo nhận được.

Áp dụng TAM vào nghiên cứu này có thể giúp giải thích tại sao một số doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng áp dụng dịch vụ kế toán hơn những doanh nghiệp khác. Ví dụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có chủ sở hữu nhận thấy tính hữu ích cao và dễ sử dụng trong các dịch vụ kế toán có thể có nhiều khả năng áp dụng chúng hơn. Ngược lại, nếu chủ sở hữu nhận thấy quy trình phức tạp hoặc lợi ích không rõ ràng, họ có thể ít có khả năng sử dụng các dịch vụ này.

Trong bối cảnh Việt Nam, các yếu tố văn hóa và mức độ tiến bộ công nghệ trong nước có thể ảnh hưởng đến những nhận thức này. Ví dụ, quá trình số hóa ngày càng tăng của các quy trình tài chính tại Việt Nam (Nguyen & Nguyen, 2020) có thể nâng cao nhận thức về tính dễ sử dụng của các dịch vụ kế toán, vì các nền tảng kỹ thuật số có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp và truyền dữ liệu giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và kế toán viên.

2.1.2. Quan điểm dựa trên nguồn lực (RBV)

Quan điểm dựa trên nguồn lực, được Barney (1991) phát triển, là một lý thuyết quản lý chiến lược cho rằng lợi thế cạnh tranh của một công ty bắt nguồn từ nhóm nguồn lực và năng lực độc đáo của công ty đó. Trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, RBV có thể cung cấp thông tin chi tiết về lý do tại sao một số công ty chọn thuê ngoài các chức năng kế toán của mình trong khi những công ty khác vẫn giữ chúng trong công ty.

Theo RBV, các công ty nên tập trung vào việc phát triển và duy trì các nguồn lực có giá trị, hiếm, độc đáo và không thể thay thế (VRIN). Đối với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là ở một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, năng lực kế toán tiên tiến có thể không phải là năng lực cốt lõi. Bằng cách thuê ngoài các dịch vụ kế toán, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận được các chuyên môn và nguồn lực chuyên biệt mà họ có thể không phát triển được trong nội bộ, do đó có khả năng đạt được lợi thế cạnh tranh.

Áp dụng RBV vào nghiên cứu này có thể giúp giải thích cách các hạn chế về nguồn lực và năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của họ. Ví dụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có năng lực quản lý tài chính nội bộ hạn chế có thể có nhiều khả năng tìm kiếm các dịch vụ kế toán bên ngoài để lấp đầy khoảng trống về nguồn lực này. Ngược lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ coi quản lý tài chính nội bộ của mình là một yếu tố khác biệt chính có thể ít có xu hướng thuê ngoài hơn.

Trong bối cảnh Hà Nội, nơi nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng (Le et al., 2020), khả năng tiếp cận nhanh chóng các chuyên môn kế toán chuyên ngành thông qua thuê ngoài có thể đặc biệt có giá trị. Điều này phù hợp với quan điểm của RBV, vì nó cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhanh chóng có được các năng lực mà việc phát triển nội bộ sẽ tốn nhiều thời gian và chi phí.

2.1.3. Lý thuyết thể chế

Lý thuyết thể chế, được phát triển bởi DiMaggio và Powell (1983), tập trung vào cách thức các cấu trúc và hoạt động của tổ chức được định hình bởi môi trường thể chế mà chúng hoạt động. Lý thuyết này đặc biệt có liên quan khi xem xét việc áp dụng các hoạt động trên khắp các tổ chức trong một lĩnh vực hoặc bối cảnh cụ thể.

Theo Lý thuyết thể chế, các tổ chức có xu hướng áp dụng các hoạt động tương tự nhau do ba loại áp lực đồng dạng: cưỡng chế (áp lực từ các cơ quan quản lý hoặc các tổ chức quyền lực), bắt chước (bắt chước những người đồng cấp thành công trong thời kỳ bất ổn) và chuẩn mực (áp lực phát sinh từ sự chuyên nghiệp hóa và các tiêu chuẩn của ngành).

Trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, cả ba loại áp lực đồng dạng đều có thể xuất hiện:

Áp lực cưỡng chế có thể đến từ các cơ quan quản lý yêu cầu báo cáo tài chính trun thực hơn hoặc từ các ngân hàng yêu cầu báo cáo tài chính chuyên nghiệp khi nộp đơn xin vay vốn.

Áp lực bắt chước có thể nảy sinh khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ quan sát những doanh nghiệp thành công khác sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp và quyết định làm theo.

Áp lực chuẩn mực có thể xuất phát từ sự chuyên nghiệp hóa ngày càng tăng của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, nơi sử dụng các dịch vụ chuyên nghiệp trở thành thông lệ được mong đợi.

Áp dụng Lý thuyết thể chế vào nghiên cứu này có thể giúp giải thích cách các yếu tố bên ngoài và chuẩn mực ngành ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ví dụ, khi Việt Nam tiếp tục hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu (Phan và cộng sự, 2019), có thể có áp lực thể chế ngày càng tăng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế, có khả năng thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Lý thuyết này cũng có thể làm sáng tỏ cách các chính sách của chính phủ, các hiệp hội ngành và mạng lưới chuyên nghiệp trong hệ sinh thái kinh doanh của Hà Nội có thể định hình các quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan

đến dịch vụ kế toán. Ví dụ, nếu các hiệp hội doanh nghiệp địa phương thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, điều này có thể tạo ra áp lực chuẩn mực để các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng các thông lệ này.

Tóm lại, việc tích hợp ba khuôn khổ lý thuyết này – TAM, RBV và Lý thuyết thể chế – cung cấp một góc nhìn toàn diện để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. TAM giúp chúng ta hiểu vai trò của tính hữu ích được nhận thức và tính dễ sử dụng trong quyết định áp dụng. RBV cho phép chúng ta xem xét cách các hạn chế về nguồn lực và cân nhắc chiến lược của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ảnh hưởng đến lựa chọn của họ. Lý thuyết thể chế cung cấp thông tin chi tiết về cách áp lực bên ngoài và các chuẩn mực của ngành định hình các quyết định này.

Bằng cách áp dụng các lý thuyết này vào bối cảnh cụ thể của bối cảnh SME tại Hà Nội, nghiên cứu này có thể cung cấp hiểu biết sâu sắc về sự tương tác phức tạp của các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các dịch vụ kế toán. Khung lý thuyết này sẽ hướng dẫn việc phát triển các giả thuyết nghiên cứu, cung cấp thông tin cho quá trình thu thập dữ liệu và cung cấp cấu trúc để diễn giải các phát hiện của nghiên cứu.

2.2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.1. *Khái niệm về đặc điểm*

Định nghĩa về SME có sự khác nhau giữa các quốc gia và khu vực, thường dựa trên các tiêu chí như số lượng nhân viên, doanh thu hàng năm và tổng tài sản. Tại Việt Nam, định nghĩa chính thức về SME được đưa ra bởi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (Quốc hội Việt Nam, 2017).

Theo luật này, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam được phân loại dựa trên số lượng lao động tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội và tổng doanh thu hoặc tổng vốn. Doanh nghiệp siêu nhỏ được định nghĩa là có không quá 10 lao động. Các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ có từ 11 đến 50 lao động, trong khi các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác có thể có tới 100 lao động. Các doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ có từ 51 đến 100 lao động, trong khi các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác có thể có tới 200 lao động. Về tổng doanh thu, ngưỡng khác nhau tùy theo lĩnh vực, dao động từ 3 tỷ

đồng đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ đến 300 tỷ đồng đối với các doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (Nguyen và cộng sự, 2018).

Định nghĩa này phản ánh sự công nhận về bản chất đa dạng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Định nghĩa này cũng phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước, vì nó cho phép có cách tiếp cận phù hợp hơn để hỗ trợ các doanh nghiệp ở nhiều giai đoạn tăng trưởng khác nhau (Le et al., 2020).

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, cũng như nhiều quốc gia khác, được đặc trưng bởi một số đặc điểm chính. Một trong những đặc điểm nổi bật nhất là tính linh hoạt và khả năng thích ứng. Do quy mô nhỏ hơn và cấu trúc tổ chức ít phức tạp hơn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường có thể phản ứng nhanh hơn với những thay đổi về điều kiện thị trường hoặc nhu cầu của khách hàng so với các doanh nghiệp lớn hơn (Nguyen & Nguyen, 2020). Sự linh hoạt này đặc biệt có giá trị khi đối mặt với những thách thức kinh tế gần đây, chẳng hạn như những thách thức do đại dịch COVID-19 gây ra.

Một đặc điểm quan trọng khác của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam là tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ. Nhiều doanh nghiệp trong số này do gia đình sở hữu và điều hành, với mức độ đầu tư cá nhân cao từ chủ sở hữu. Cổ phần cá nhân này thường chuyển thành động lực mạnh mẽ hướng tới thành công và đổi mới, nhưng cũng có thể dẫn đến những thách thức về mặt quản lý chuyên môn và lập kế hoạch kế nhiệm (Pham và cộng sự, 2018).

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam cũng có xu hướng thâm dụng lao động hơn là thâm dụng vốn. Đặc điểm này một phần là do bản chất của nhiều ngành mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động, chẳng hạn như sản xuất, bán lẻ và dịch vụ, nhưng nó cũng phản ánh sự dư thừa lao động và khan hiếm vốn trong nền kinh tế Việt Nam (Tran và cộng sự, 2019). Mặc dù điều này có thể tạo ra cơ hội việc làm, nhưng nó cũng có nghĩa là nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ phải vật lộn với các vấn đề về năng suất và hiệu quả.

Một đặc điểm đáng chú ý của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội và các trung tâm đô thị khác tại Việt Nam là việc áp dụng công nghệ ngày càng tăng. Khi Việt Nam theo đuổi chương trình chuyển đổi số, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đang áp dụng thương mại điện tử, tiếp thị kỹ thuật số và các giải pháp công nghệ khác để nâng cao khả năng cạnh tranh của mình. Tuy nhiên, mức độ áp dụng công nghệ khác nhau rất nhiều giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thường tương

quan với độ tuổi của chủ doanh nghiệp và bản chất của ngành (Nguyen & Nguyen, 2020).

Mặc dù có khả năng thích ứng và tinh thần khởi nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số thách thức chung. Việc tiếp cận nguồn tài chính hạn chế là một vấn đề dai dẳng, với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ phải rất khó khăn để đảm bảo các khoản vay từ các tổ chức tài chính chính thức do thiếu tài sản thế chấp hoặc hồ sơ tài chính (Le et al., 2020). Rào cản tài chính này thường cản trở khả năng đầu tư vào công nghệ mới, mở rộng hoạt động hoặc vượt qua suy thoái kinh tế của họ.

Một thách thức đáng kể khác là kỹ năng quản lý và kỹ thuật hạn chế trong số nhiều chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhân viên. Trong khi các doanh nhân Việt Nam được biết đến với sự nhạy bén trong kinh doanh, đào tạo quản lý chính thức và các kỹ năng chuyên môn (như quản lý tài chính hoặc tiếp thị) thường thiếu. Khoảng cách kỹ năng này có thể cản trở sự phát triển và chuyên nghiệp hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Pham và cộng sự, 2018).

Trong bối cảnh Hà Nội, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng phải đối mặt với những thách thức liên quan đến quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng của thành phố. Những thách thức này bao gồm chi phí thuê mặt bằng và lao động tăng cao, cạnh tranh gia tăng (cả trong nước và quốc tế) và nhu cầu tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn đang thay đổi. Tuy nhiên, những thách thức này được cân bằng bởi các cơ hội phát sinh từ thị trường tiêu dùng đang phát triển của Hà Nội, cơ sở hạ tầng được cải thiện và vị thế của thành phố như một trung tâm kinh tế quan trọng tại Việt Nam (Tran và cộng sự, 2019).

Tóm lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, đặc biệt là tại Hà Nội, có đặc điểm là khả năng thích ứng, tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ và khả năng tiếp nhận công nghệ ngày càng tăng, cân bằng với những thách thức như khả năng tiếp cận hạn chế với nguồn tài chính và khoảng cách kỹ năng. Việc hiểu những đặc điểm này và định nghĩa cụ thể về các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh Việt Nam là rất quan trọng đối với bất kỳ nghiên cứu nào xem xét các hoạt động kinh doanh của họ, bao gồm các quyết định liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ kế toán. Sự hiểu biết này cung cấp nền tảng để khám phá cách những đặc điểm này có thể ảnh hưởng đến cách tiếp cận của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với quản lý tài chính và khả năng sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp của họ.

2.2.2. Tầm quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế

SME đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và đổi mới sáng tạo. Tầm quan trọng của họ đã được các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu công nhận rộng rãi, với nhiều nghiên cứu nêu bật những đóng góp đa diện của SME vào sự phát triển kinh tế.

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam là về số lượng và thị phần của họ trong tổng số doanh nghiệp. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam (2023), tính đến năm 2022, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp đã đăng ký trong cả nước. Phần lớn áp đảo này nhấn mạnh vai trò trung tâm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc định hình bối cảnh kinh doanh của Việt Nam. Sự phổ biến của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế cũng góp phần tạo nên một cơ cấu kinh tế đa dạng và bền vững hơn, giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc quá phụ thuộc vào bất kỳ ngành công nghiệp đơn lẻ hoặc tập đoàn lớn nào (Nguyen và cộng sự, 2018).

Về mặt sản lượng kinh tế, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp đáng kể vào Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam. Mặc dù các con số chính xác khác nhau tùy thuộc vào nguồn và định nghĩa được sử dụng, hầu hết các ước tính đều cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp từ 40% đến 50% GDP của Việt Nam. Ví dụ, một nghiên cứu của PwC Việt Nam (2022) báo cáo rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 45% GDP của cả nước. Đóng góp đáng kể này vào sản lượng kinh tế nhấn mạnh vai trò quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tạo việc làm là một lĩnh vực khác mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp quan trọng vào nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường được coi là xương sống của việc làm tại Việt Nam, cung cấp việc làm cho một bộ phận lớn lực lượng lao động của đất nước. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng khoảng 5 triệu lao động, chiếm khoảng 50% tổng lực lượng lao động tại Việt Nam. Đóng góp việc làm đáng kể này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh lợi tức nhân khẩu học của Việt Nam, nơi một lượng lớn dân số trẻ gia nhập lực lượng lao động mỗi năm (Truong et al., 2019).

Hơn nữa, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế toàn diện ở Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm ở các vùng nông thôn và bán thành thị, cung cấp cơ hội việc làm và

hoạt động kinh tế ở những khu vực mà nếu không có thể sẽ bị bỏ lại phía sau trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng của đất nước. Sự phân tán về mặt địa lý của các hoạt động kinh tế này góp phần vào sự phát triển cân bằng hơn của khu vực và giúp giảm áp lực di cư từ nông thôn ra thành thị (Le et al., 2020).

Đổi mới sáng tạo và tinh thần kinh doanh là những lĩnh vực khác mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam. Trong khi các tập đoàn lớn thường có nhiều nguồn lực hơn cho nghiên cứu và phát triển, các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường nhanh nhẹn hơn và có khả năng thích ứng nhanh với các điều kiện thị trường thay đổi. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam đã thể hiện sự đổi mới đáng kể trong phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh và cách tiếp cận thị trường, đặc biệt là trong các lĩnh vực mới nổi như thương mại điện tử, công nghệ tài chính và dịch vụ kỹ thuật số (Nguyen & Nguyen, 2020). Năng lực đổi mới này của các doanh nghiệp vừa và nhỏ góp phần vào sự năng động và khả năng cạnh tranh chung của nền kinh tế Việt Nam.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam, vốn là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những thập kỷ gần đây. Trong khi các tập đoàn lớn và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông trị xuất khẩu trực tiếp, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu với tư cách là nhà cung cấp hoặc nhà thầu phụ. Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2022), các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 20% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Sự tham gia của họ vào chuỗi giá trị toàn cầu không chỉ góp phần vào thu nhập xuất khẩu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế trong khu vực doanh nghiệp Việt Nam.

Hơn nữa, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp đáng kể vào sự phát triển của khu vực tư nhân Việt Nam, vốn là trọng tâm chính trong các cải cách kinh tế của chính phủ kể từ khi chính sách Đổi mới được đưa ra vào năm 1986. Sự tăng trưởng và phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi Việt Nam từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường hơn. Sức sống của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ được coi là thước đo sức khỏe của khu vực tư nhân Việt Nam và tiến trình cải cách kinh tế của nước này (Tran và cộng sự, 2019).

Trong bối cảnh cụ thể của Hà Nội, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Là thủ đô và là một trong những trung tâm kinh tế chính của Việt Nam, Hà Nội có mật độ doanh nghiệp vừa và nhỏ cao trong nhiều lĩnh vực

khác nhau. Các doanh nghiệp này đóng góp đáng kể vào sản lượng kinh tế, việc làm và phát triển đô thị của thành phố. Sự năng động của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội cũng góp phần vào sức hấp dẫn của thành phố đối với cả đầu tư trong và ngoài nước (Nguyen et al., 2018).

Tóm lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò quan trọng và đa diện trong nền kinh tế Việt Nam. Những đóng góp của họ bao gồm sản lượng kinh tế, tạo việc làm, đổi mới, tham gia xuất khẩu và phát triển khu vực tư nhân. Tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đặc biệt rõ rệt ở các trung tâm đô thị như Hà Nội, nơi họ tạo thành một phần quan trọng của cấu trúc kinh tế. Hiểu được tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế Việt Nam cung cấp bối cảnh thiết yếu để nghiên cứu các hoạt động kinh doanh của họ, bao gồm cách tiếp cận của họ đối với quản lý tài chính và sử dụng các dịch vụ kế toán. Nó cũng nhấn mạnh những tác động kinh tế rộng hơn tiềm tàng của các sáng kiến nhằm hỗ trợ và phát triển khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.

2.2.3. Thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, mặc dù đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của thành phố, nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức cản trở sự tăng trưởng và tính bền vững của họ. Những thách thức này vừa đa dạng vừa phức tạp, từ những hạn chế về tài chính đến rào cản về mặt pháp lý.

Một trong những thách thức quan trọng nhất mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội phải đối mặt là khả năng tiếp cận nguồn tài chính hạn chế. Mặc dù thành phố là một trung tâm tài chính, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn phải khó khăn để đảm bảo đủ nguồn tài chính cho hoạt động và mở rộng của mình. Một nghiên cứu của Nguyen và Luu (2020) cho thấy gần 70% các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội báo cáo gặp khó khăn trong việc tiếp cận các khoản vay ngân hàng. Vấn đề này bắt nguồn từ nhiều yếu tố, bao gồm các yêu cầu về tài sản thế chấp nghiêm ngặt, quy trình đăng ký vay phức tạp và nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ không có hồ sơ tài chính hoặc lịch sử tín dụng. Vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng đối với các công ty khởi nghiệp và doanh nghiệp trẻ, những doanh nghiệp thường thiếu thành tích theo yêu cầu của các tổ chức tài chính truyền thống.

Chi phí vốn cao là một thách thức tài chính khác đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Ngay cả khi có các khoản vay, lãi suất thường cao, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ. Le et al. (2019) lưu ý rằng lãi suất trung bình cho các khoản vay dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội cao hơn đáng kể

so với các doanh nghiệp lớn hơn, gây gánh nặng tài chính đáng kể cho các doanh nghiệp nhỏ và hạn chế khả năng đầu tư vào tăng trưởng và đổi mới của họ.

Một thách thức lớn khác là sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường kinh doanh của Hà Nội. Là thủ đô và là trung tâm kinh tế lớn, Hà Nội thu hút sự tập trung cao độ của các doanh nghiệp, cả trong và ngoài nước. Sự tập trung này dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần, nguồn lực và lao động có tay nghề. Tran và Pham (2020) nhận thấy rằng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội đang phải vất vả để tạo sự khác biệt trong thị trường đông đúc này, đặc biệt là khi cạnh tranh với các công ty lớn hơn, lâu đời hơn với nhiều nguồn lực và nhận diện thương hiệu tốt hơn.

Tốc độ thay đổi công nghệ nhanh chóng mang đến cả cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Trong khi công nghệ số có tiềm năng tăng hiệu quả và tiếp cận thị trường, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ rất khó để theo kịp những tiến bộ này. Nguyen và Nguyen (2020) phát hiện ra rằng một tỷ lệ đáng kể các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Nội thiếu nguồn lực tài chính, chuyên môn kỹ thuật hoặc nhận thức để áp dụng và sử dụng hiệu quả các công nghệ mới. Sự phân chia kỹ thuật số này có thể khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp bất lợi về mặt cạnh tranh, đặc biệt là trong các lĩnh vực mà đổi mới công nghệ đang thúc đẩy xu hướng thị trường. Những thách thức về nguồn lực cũng phổ biến trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Mặc dù thành phố có dân số đông và nhiều cơ sở giáo dục, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ báo cáo gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân nhân viên có tay nghề. Pham và cộng sự (2021) đã xác định một số yếu tố góp phần gây ra vấn đề này, bao gồm sự cạnh tranh từ các công ty lớn hơn cung cấp các gói lương thưởng tốt hơn, sự không phù hợp giữa kết quả giáo dục và nhu cầu của ngành và nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ không có khả năng cung cấp các cơ hội phát triển nghề nghiệp hấp dẫn.

Môi trường pháp lý tại Hà Nội đặt ra một thách thức đáng kể khác đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dù các cơ quan chức năng đã nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn thấy bối cảnh pháp lý phức tạp và nặng nề. Một báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2020) lưu ý rằng các doanh nghiệp tại Hà Nội dành nhiều thời gian hơn để giải quyết các thủ tục pháp lý so với mức trung bình của cả nước. Điều này bao gồm thời gian dành cho việc tuân thủ thuế, đăng ký kinh doanh và xin các loại giấy phép và giấy chứng nhận khác nhau. Sự phức tạp và thay đổi thường xuyên trong các quy định có thể đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp nhỏ hơn với nguồn lực hành chính hạn chế.

Những hạn chế về cơ sở hạ tầng cũng đặt ra những thách thức cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Mặc dù đã có những cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, các vấn đề như tắc nghẽn giao thông và không gian sản xuất hạn chế vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Truong et al. (2019) nhận thấy rằng những hạn chế về cơ sở hạ tầng này làm tăng chi phí hoạt động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và có thể cản trở khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách hiệu quả.

Các quy định về môi trường và yêu cầu về tính bền vững đang trở thành những thách thức ngày càng quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Khi thành phố nỗ lực giải quyết vấn đề ô nhiễm và thúc đẩy phát triển bền vững, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang chịu áp lực phải áp dụng các biện pháp thân thiện hơn với môi trường. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp thiếu kiến thức, công nghệ hoặc nguồn lực tài chính để thực hiện các quá trình chuyển đổi này một cách hiệu quả (Le et al., 2020).

Đại dịch COVID-19 đã mang đến những thách thức mới và làm trầm trọng thêm những thách thức hiện tại đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Nội. Sự gián đoạn chuỗi cung ứng, thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng và các hạn chế về sức khỏe cộng đồng đã tác động đáng kể đến nhiều doanh nghiệp. Một cuộc khảo sát của Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Nội (2021) cho thấy hơn 80% các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong thành phố báo cáo những tác động tiêu cực từ đại dịch, với nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với các vấn đề về dòng tiền và phải vật lộn để duy trì hoạt động.

Cuối cùng, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội phải đối mặt với những thách thức liên quan đến quản lý và lập kế hoạch chiến lược. Nguyen và Luu (2020) lưu ý rằng một tỷ lệ đáng kể chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội thiếu giáo dục hoặc đào tạo kinh doanh chính thức. Điều này có thể dẫn đến những khó khăn trong các lĩnh vực như quản lý tài chính, chiến lược tiếp thị và lập kế hoạch kinh doanh dài hạn, vốn rất quan trọng đối với tăng trưởng bền vững và khả năng cạnh tranh.

Tóm lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội phải đối mặt với một loạt thách thức phức tạp trải dài trên các lĩnh vực tài chính, hoạt động, quy định và chiến lược. Những thách thức này thường có mối liên hệ với nhau và có thể có tác động tích lũy đến hiệu suất kinh doanh và triển vọng tăng trưởng. Hiểu được những thách thức này là rất quan trọng để xây dựng các cơ chế và chính sách hỗ trợ hiệu quả nhằm thúc đẩy một khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển mạnh

tại Hà Nội. Nó cũng cung cấp bối cảnh quan trọng để nghiên cứu các quy trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cách tiếp cận của họ đối với quản lý tài chính và sử dụng các dịch vụ chuyên nghiệp như kế toán.

2.3. Dịch vụ kế toán và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán

2.3.1. Dịch vụ kế toán

2.3.1.1. Khái niệm dịch vụ kế toán

Everaert và cộng sự (2007) định nghĩa dịch vụ kế toán là việc cung cấp các nhiệm vụ kế toán bởi các kế toán viên bên ngoài hoặc các công ty kế toán, có thể bao gồm ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, kế toán quản lý và các dịch vụ liên quan đến thuế.

Carey (2015) đưa ra định nghĩa rộng hơn, khi cho rằng dịch vụ kế toán bao gồm một loạt các hoạt động quản lý tài chính do các kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp cho doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc lưu giữ hồ sơ tài chính, báo cáo theo luật định, tuân thủ thuế, kế toán quản lý và dịch vụ tư vấn kinh doanh.

Dorasamy và cộng sự (2010) đưa ra định nghĩa cụ thể hơn trong bối cảnh thuê ngoài, theo đó dịch vụ kế toán đề cập đến việc giao khoán các chức năng tài chính và kế toán cho các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài, có thể bao gồm xử lý giao dịch, báo cáo tài chính, quản lý bảng lương, lập kế hoạch và tuân thủ thuế, và các nhiệm vụ kế toán chuyên biệt khác.

Những định nghĩa này làm nổi bật bản chất đa dạng của các dịch vụ kế toán, từ việc ghi sổ kế toán cơ bản đến các vai trò tư vấn phức tạp hơn. Chúng cũng nhấn mạnh việc cung cấp các dịch vụ này bên ngoài, điều này đặc biệt có liên quan khi thảo luận về việc sử dụng các dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.3.1.2. Các loại dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Dịch vụ kế toán cho các SME bao gồm nhiều hoạt động quản lý và báo cáo tài chính. Các dịch vụ này có thể được phân loại thành nhiều lĩnh vực chính, mỗi lĩnh vực phục vụ nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình kinh doanh của họ.

Kế toán thường được coi là nền tảng của các dịch vụ kế toán. Nó liên quan đến việc ghi chép có hệ thống các giao dịch tài chính, bao gồm bán hàng, mua hàng, biên lai và thanh toán. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dịch vụ kế toán có thể bao gồm từ nhập dữ liệu cơ bản đến các nhiệm vụ phức tạp hơn như duy trì sổ cái và lập bảng cân đối kế toán. Như Everaert và cộng sự (2007) đã lưu ý, nhiều

doanh nghiệp vừa và nhỏ bắt đầu hợp tác với các dịch vụ kế toán thông qua dịch vụ kế toán thuê ngoài, cho phép họ duy trì hồ sơ tài chính chính xác mà không cần đến chuyên gia nội bộ.

Chuẩn bị báo cáo tài chính là một dịch vụ kế toán quan trọng khác dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này bao gồm việc lập bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các tài liệu này rất cần thiết cho việc ra quyết định nội bộ và thường được các bên liên quan bên ngoài như ngân hàng và nhà đầu tư yêu cầu. Carey (2015) nhấn mạnh rằng các kế toán viên chuyên nghiệp có thể tạo ra giá trị đáng kể trong lĩnh vực này bằng cách đảm bảo rằng các báo cáo tài chính được lập theo các chuẩn mực kế toán có liên quan và cung cấp góc nhìn trung thực và công bằng về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Dịch vụ kế toán và tuân thủ thuế chiếm một phần đáng kể trong các dịch vụ kế toán mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng. Điều này bao gồm việc chuẩn bị và nộp nhiều tờ khai thuế khác nhau, chẳng hạn như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng (VAT) và thuế thu nhập cá nhân. Trong bối cảnh Việt Nam, nơi các quy định về thuế có thể phức tạp và thường xuyên thay đổi, các dịch vụ này đặc biệt có giá trị đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Le et al. (2020) lưu ý rằng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam dựa vào các kế toán viên bên ngoài để xử lý sự phức tạp của hệ thống thuế và đảm bảo tuân thủ các quy định của địa phương.

Các dịch vụ kế toán quản lý, mặc dù ít được thuê ngoài hơn so với kế toán tài chính, ngày càng được công nhận là có giá trị đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các dịch vụ này bao gồm lập ngân sách, dự báo, phân tích chi phí và đo lường hiệu suất. Nandan (2010) lập luận rằng kế toán quản lý có thể cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ những hiểu biết quan trọng để đưa ra quyết định chiến lược và cải thiện hoạt động.

Xử lý bảng lương là một loại dịch vụ kế toán khác thường được các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng. Điều này bao gồm tính toán tiền lương của nhân viên, quản lý các khoản khấu trừ và đảm bảo tuân thủ luật lao động và các quy định. Đối với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc thuê ngoài bảng lương có thể tiết kiệm chi phí hơn so với việc duy trì một bộ phận bảng lương nội bộ, đặc biệt là khi xét đến sự phức tạp của các yêu cầu khấu trừ thuế và báo cáo (Dorasamy và cộng sự, 2010).

Dịch vụ tư vấn đại diện cho một phân khúc ngày càng tăng của các dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các dịch vụ này có thể bao gồm lập kế hoạch tài chính, định giá doanh nghiệp, hỗ trợ sáp nhập và mua lại và tư vấn kinh doanh chung. Blackburn và cộng sự (2018) nhận thấy rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng coi trọng lời khuyên chiến lược do các kế toán viên của họ cung cấp, coi họ là cố vấn kinh doanh đáng tin cậy hơn là chỉ là các nhân viên tuân thủ.

2.3.1.3. Lợi ích của việc thuê ngoài dịch vụ kế toán

Việc thuê ngoài dịch vụ kế toán có thể mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, góp phần vào việc quản lý tài chính, hiệu quả hoạt động và hiệu suất kinh doanh nói chung.

Một trong những lợi ích chính là tiếp cận được với chuyên môn chuyên sâu. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu, thiếu kiến thức và kỹ năng nội bộ cần thiết cho các nhiệm vụ kế toán phức tạp. Thuê ngoài cho phép các doanh nghiệp này khai thác được chuyên môn của các kế toán viên chuyên nghiệp, những người luôn cập nhật các tiêu chuẩn kế toán, quy định thuế và thông lệ quản lý tài chính mới nhất. Kamyabi & Devi (2011) nhận thấy rằng việc tiếp cận được chuyên môn này là yếu tố chính thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các nền kinh tế mới nổi gia công các chức năng kế toán.

Hiệu quả về mặt chi phí là một lợi ích quan trọng khác của việc thuê ngoài dịch vụ kế toán. Đối với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc duy trì một bộ phận kế toán nội bộ toàn thời gian có thể tốn kém đến mức không thể chấp nhận được. Thuê ngoài cho phép các doanh nghiệp này tiếp cận các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp khi cần, có khả năng tiết kiệm chi phí đáng kể. Everaert và cộng sự (2007) lưu ý rằng việc giảm chi phí là động lực chính khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Bỉ thuê ngoài các nhiệm vụ kế toán.

Cải thiện độ chính xác và tuân thủ là những lợi ích quan trọng của dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Các kế toán viên bên ngoài, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình, thường được trang bị tốt hơn để đảm bảo báo cáo tài chính chính xác và tuân thủ các quy định có liên quan. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh như Việt Nam, nơi các yêu cầu về quy định có thể phức tạp và thường xuyên thay đổi (Le et al., 2020).

Tiết kiệm thời gian là một lợi thế quan trọng khác của dịch vụ kế toán thuê ngoài. Bằng cách giao nhiệm vụ kế toán cho các chuyên gia bên ngoài, chủ sở hữu và quản lý SME có thể tập trung nhiều hơn vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi như phát triển sản phẩm, dịch vụ khách hàng và lập kế hoạch chiến lược. Việc

phân bổ lại thời gian và nguồn lực này có thể góp phần cải thiện hiệu suất và tăng trưởng kinh doanh (Carey, 2015).

Việc ra quyết định tài chính nâng cao là một lợi ích đáng kể có thể phát sinh từ các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Các kế toán viên bên ngoài có thể cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ các phân tích và hiểu biết tài chính tinh vi hơn, cho phép đưa ra các quyết định kinh doanh sáng suốt hơn. Jarvis & Rigby (2012) nhận thấy rằng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ coi trọng lời khuyên chiến lược do các kế toán viên của họ cung cấp, vượt ra ngoài công việc tuân thủ cơ bản.

2.3.2. Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán

Kamyabi & Devi (2011) mô tả quyết định sử dụng dịch vụ kế toán là lựa chọn chiến lược của các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi thuê ngoài các chức năng kế toán, được thúc đẩy bởi các yếu tố như năng lực được nhận thức của nhà cung cấp dịch vụ, cân nhắc về chi phí và nhu cầu của doanh nghiệp về chuyên môn kế toán chuyên sâu.

Blackburn và cộng sự (2018) khái niệm hóa quyết định này như là một quá trình ra quyết định đa chiều do chủ sở hữu hoặc nhà quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện để thuê các kế toán viên bên ngoài cho nhiều dịch vụ tài chính và tư vấn khác nhau, chịu ảnh hưởng của các yếu tố bao gồm lòng tin, giá trị nhận thức và sự phức tạp của môi trường kinh doanh.

Carey & Tanewski (2016) thì cho rằng, quyết định thuê dịch vụ kế toán là việc các chủ doanh nghiệp nhỏ tự nguyện thuê các kế toán viên bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ kế toán và cung cấp tư vấn kinh doanh, dựa trên phân tích chi phí-lợi ích và giá trị được nhận thức của chuyên môn nghề nghiệp.

Everaert và cộng sự (2007) nhấn mạnh, quyết định thuê ngoài dịch vụ kế toán là quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về việc thuê ngoài toàn bộ hoặc một phần chức năng kế toán của mình cho các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài, được thúc đẩy bởi nền kinh tế chi phí giao dịch và các cân nhắc dựa trên nguồn lực.

Những định nghĩa này nêu bật nhiều khía cạnh khác nhau của quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, bao gồm bản chất chiến lược, ảnh hưởng của nhiều yếu tố, khía cạnh tự nguyện của quyết định và cơ sở của nó trong cả cân nhắc về kinh tế và nguồn lực. Chúng cũng nhấn mạnh rằng quyết định này thường được đưa ra trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nơi lựa chọn sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài thường mang tính tùy ý hơn so với các tập đoàn lớn hơn.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán

2.4.1. Cân nhắc về chi phí

Chi phí là yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME. Đối với nhiều SME, đặc biệt là những doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu phát triển hoặc hoạt động với ngân sách eo hẹp, những tác động tài chính của việc thuê ngoài các chức năng kế toán là mối quan tâm đáng kể (Carey & Tanewski, 2016). Chi phí thuê dịch vụ kế toán bên ngoài thường được cân nhắc so với chi phí duy trì một bộ phận kế toán nội bộ, bao gồm chi phí lương, đào tạo, phần mềm và cơ sở hạ tầng.

Nghiên cứu của Everaert và cộng sự (2007) cho thấy hiệu quả về mặt chi phí là yếu tố quyết định quan trọng trong quyết định thuê ngoài các nhiệm vụ kế toán. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đánh giá xem liệu khoản tiết kiệm tiềm năng từ việc thuê ngoài có lớn hơn chi phí của dịch vụ hay không. Đánh giá này bao gồm việc xem xét cả chi phí trực tiếp (phí do các công ty kế toán tính) và chi phí gián tiếp (thời gian dành cho việc phối hợp với các kế toán viên bên ngoài, khả năng gián đoạn các quy trình nội bộ).

Tuy nhiên, nhận thức về chi phí có thể khác nhau tùy thuộc vào quy mô và sức khỏe tài chính của SME. Các SME lớn hơn với nhu cầu tài chính phức tạp hơn có thể thấy chi phí cho các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp hợp lý hơn, trong khi các doanh nghiệp nhỏ hơn có thể coi đó là một khoản lãng phí mà họ không đủ khả năng chi trả (Blackburn và cộng sự, 2018). Ngoài ra, như Kamyabi & Devi (2011) lưu ý, các SME ở các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam có thể đặc biệt nhạy cảm với các cân nhắc về chi phí do nguồn tài chính hạn chế và điều kiện kinh tế không chắc chắn.

Điều quan trọng cần lưu ý là mặc dù chi phí là một yếu tố quan trọng, nhưng không nên xem xét nó một cách riêng lẻ. Các lợi ích tài chính tiềm năng dài hạn của việc sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, chẳng hạn như cải thiện quản lý tài chính và ra quyết định, cần được đưa vào phân tích chi phí-lợi ích (Nandan, 2010).

2.4.2. Cân nhắc về lợi ích nhận được

Lợi ích nhận thấy được khi sử dụng dịch vụ kế toán đóng vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những lợi ích này có thể hữu hình và vô hình, từ việc cải thiện độ chính xác về tài chính đến nâng cao hiệu suất kinh doanh và khả năng lập kế hoạch chiến lược.

Một trong những lợi ích chính được nhận thấy là khả năng tiếp cận với chuyên môn chuyên sâu. Các kế toán viên chuyên nghiệp có kiến thức sâu rộng về các quy định tài chính, luật thuế và các chuẩn mực kế toán mà nhiều chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể không có. Chuyên môn này có thể dẫn đến báo cáo tài chính chính xác hơn, lập kế hoạch thuế tốt hơn và giảm rủi ro sai sót hoặc không tuân thủ (Carey, 2015). Hơn nữa, như Jarvis & Rigby (2012) chỉ ra, các kế toán viên chuyên nghiệp có thể cung cấp lời khuyên kinh doanh có giá trị ngoài việc ghi chép sổ sách cơ bản, góp phần cải thiện việc ra quyết định và lập kế hoạch chiến lược.

Một lợi ích đáng kể khác được nhận thấy là tiết kiệm thời gian. Bằng cách thuê ngoài các nhiệm vụ kế toán, chủ sở hữu và quản lý SME có thể tập trung nhiều hơn vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, có khả năng dẫn đến tăng năng suất và tăng trưởng (Everaert và cộng sự, 2007). Lợi ích này có thể đặc biệt hấp dẫn đối với các SME ở các thị trường đang phát triển nhanh chóng như Việt Nam, nơi chủ sở hữu thường cần dành nhiều thời gian để quản lý việc mở rộng kinh doanh và điều hướng các điều kiện thị trường thay đổi (Nguyen & Nguyen, 2020).

Quản lý tài chính được cải thiện là một lợi ích quan trọng khác được nhận thấy. Các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khả năng phân tích tài chính, lập ngân sách và dự báo tinh vi hơn. Điều này có thể dẫn đến quản lý dòng tiền tốt hơn, đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt hơn và tăng khả năng đảm bảo nguồn vốn từ ngân hàng hoặc nhà đầu tư (Blackburn và cộng sự, 2018).

Tuy nhiên, mức độ mà những lợi ích này được nhận thức và đánh giá có thể khác nhau giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các yếu tố như trình độ hiểu biết về tài chính của chủ sở hữu, mức độ phức tạp của doanh nghiệp và kinh nghiệm trước đây với các dịch vụ kế toán đều có thể ảnh hưởng đến cách nhận thức những lợi ích này (Carey & Tanewski, 2016).

2.4.3. Tuân thủ quy định

Tuân thủ quy định là một yếu tố ngày càng quan trọng ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đang thay đổi của Việt Nam. Khi đất nước tiếp tục hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, các yêu cầu về quy định đối với doanh nghiệp trở nên phức tạp và nghiêm ngặt hơn (Nguyen et al., 2018).

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường gặp khó khăn trong việc theo kịp các quy định, luật thuế và yêu cầu báo cáo thay đổi. Thách thức này đặc biệt nghiêm trọng ở Việt Nam, nơi các thay đổi về quy định có thể diễn ra thường xuyên và đôi khi mơ hồ (Phan và cộng sự, 2019). Các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ điều hướng bối cảnh quy định phức tạp này, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Nỗi sợ không tuân thủ và hậu quả của nó, bao gồm tiền phạt, các vấn đề pháp lý và tổn hại đến danh tiếng, có thể là động lực mạnh mẽ khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Như Le và cộng sự (2020) đã lưu ý, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam đang ngày càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc tuân thủ quy định, đặc biệt là khi họ tìm cách mở rộng hoặc thu hút đầu tư nước ngoài.

Hơn nữa, một số ngành công nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh có thể đòi hỏi kiến thức chuyên sâu hơn về các quy định. Ví dụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào thương mại quốc tế cần tuân thủ cả chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế. Trong những trường hợp như vậy, chuyên môn do các kế toán viên chuyên nghiệp cung cấp thậm chí còn có giá trị hơn (Kamyabi & Devi, 2011).

Việc số hóa ngày càng tăng của các hệ thống báo cáo tài chính và thuế tại Việt Nam cũng ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Khi chính phủ chuyển sang hóa đơn điện tử và nộp thuế kỹ thuật số, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể thấy khó khăn khi thích nghi mà không có sự hỗ trợ chuyên nghiệp (Nguyen & Nguyen, 2020).

Tuy nhiên, tác động của việc tuân thủ quy định đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có thể khác nhau tùy thuộc vào các yếu tố như quy mô, ngành và giai đoạn tăng trưởng của SME. Các SME lớn hơn hoặc những SME trong các ngành được quản lý chặt chẽ có thể chú trọng hơn vào yếu tố này, trong khi các doanh nghiệp nhỏ hơn hoặc mới hơn có thể ưu tiên các cân nhắc khác (Blackburn và cộng sự, 2018).

2.4.4. Sự phức tạp trong kinh doanh

Sự phức tạp của hoạt động kinh doanh là một yếu tố quan trọng trong việc xác định liệu các doanh nghiệp vừa và nhỏ có chọn sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài hay không. Khi các doanh nghiệp phát triển và hoạt động của họ trở nên phức tạp hơn, nhu cầu về quản lý tài chính và báo cáo tình vi thường tăng lên (Gooderham và cộng sự, 2004). Sự phức tạp này có thể biểu hiện theo nhiều cách

khác nhau, chẳng hạn như đa dạng hóa sản phẩm hoặc dịch vụ, mở rộng sang các thị trường mới hoặc tham gia vào thương mại quốc tế.

Ví dụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào các giao dịch xuyên biên giới phải đối mặt với những thách thức bổ sung liên quan đến ngoại hối, các quy định về thuế quốc tế và việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán khác nhau. Trong những trường hợp như vậy, chuyên môn của các kế toán viên chuyên nghiệp trở nên đặc biệt có giá trị (Blackburn & Jarvis, 2010). Tương tự như vậy, các doanh nghiệp có nhiều nguồn doanh thu hoặc chuỗi cung ứng phức tạp có thể yêu cầu các hoạt động kế toán tiên tiến hơn so với những gì có thể được quản lý nội bộ, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nguồn lực hạn chế.

Quá trình kinh doanh của doanh nghiệp cũng góp phần vào tính phức tạp của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển nhanh thường gặp phải tình trạng phức tạp về tài chính gia tăng khi họ mở rộng quy mô hoạt động, quản lý dòng tiền lớn hơn và có khả năng tìm kiếm nguồn tài trợ bên ngoài (Carey & Tanewski, 2016). Những thách thức liên quan đến tăng trưởng này có thể thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp để đảm bảo quản lý tài chính của họ theo kịp với sự mở rộng kinh doanh.

Hơn nữa, những tiến bộ công nghệ và số hóa đã bổ sung thêm nhiều lớp phức tạp mới vào hoạt động kinh doanh. Việc áp dụng các nền tảng thương mại điện tử, hệ thống thanh toán kỹ thuật số và các công cụ ra quyết định dựa trên dữ liệu đã tạo ra những thách thức kế toán mới cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Nguyen & Nguyen, 2020). Các kế toán viên chuyên nghiệp có thể giúp điều hướng những thay đổi công nghệ này và tích hợp hiệu quả các công cụ tài chính kỹ thuật số vào hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là nhận thức về tính phức tạp của doanh nghiệp có thể khác nhau giữa các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số có thể đánh giá thấp tính phức tạp của hoạt động kinh doanh và lợi ích tiềm năng của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, trong khi những người khác có thể nhận thức rõ hơn về những hạn chế của họ trong việc quản lý các vấn đề tài chính phức tạp (Nandan, 2010).

2.4.5. Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý

Đặc điểm cá nhân, thái độ và kinh nghiệm của chủ sở hữu hoặc quản lý SME đóng vai trò quan trọng trong quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Những đặc

điểm này có thể bao gồm trình độ học vấn, hiểu biết về tài chính, khả năng chịu rủi ro và kinh nghiệm trước đây về quản lý tài chính hoặc dịch vụ chuyên nghiệp.

Trình độ học vấn và hiểu biết về tài chính của chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ảnh hưởng đáng kể đến cách tiếp cận quản lý tài chính của họ. Chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn cao hơn hoặc được đào tạo chuyên sâu về kinh doanh hoặc tài chính có thể cảm thấy tự tin hơn khi xử lý các nhiệm vụ kế toán nội bộ (Carey & Tanewski, 2016). Ngược lại, những người có kiến thức tài chính hạn chế có thể có xu hướng tìm kiếm sự trợ giúp chuyên nghiệp hơn, nhận ra những hạn chế của riêng họ trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, mối quan hệ này không phải lúc nào cũng đơn giản. Một số chủ sở hữu có trình độ học vấn cao có thể đánh giá cao hơn giá trị của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp và sẵn sàng thuê họ hơn, trong khi những người khác có thể đánh giá quá cao khả năng của chính họ (Blackburn và cộng sự, 2018). Thái độ của chủ sở hữu đối với việc phân công và tin tưởng vào các cố vấn bên ngoài cũng đóng một vai trò. Những người thích duy trì sự kiểm soát chặt chẽ đối với mọi khía cạnh của doanh nghiệp của họ có thể miễn cưỡng hơn trong việc thuê ngoài các chức năng kế toán (Gooderham và cộng sự, 2004).

Những kinh nghiệm trước đây với quản lý tài chính hoặc dịch vụ chuyên nghiệp có thể định hình đáng kể quyết định của chủ sở hữu. Những kinh nghiệm tích cực với các kế toán viên trong quá khứ có thể làm tăng khả năng sử dụng lại các dịch vụ đó, trong khi những kinh nghiệm tiêu cực có thể tạo ra sự do dự (Jarvis & Rigby, 2012).

Tham vọng tăng trưởng và định hướng chiến lược của chủ sở hữu cũng ảnh hưởng đến quyết định này. Những người có tham vọng tăng trưởng cao hoặc có kế hoạch mở rộng có thể có nhiều khả năng nhận ra nhu cầu hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp để đạt được mục tiêu của họ (Barbera & Hasso, 2013).

Các yếu tố văn hóa, đặc biệt có liên quan trong bối cảnh Việt Nam, cũng có thể đóng một vai trò. Ở một số nền văn hóa, có thể có sở thích giữ các vấn đề tài chính trong phạm vi gia đình hoặc miễn cưỡng chia sẻ thông tin tài chính với người ngoài (Nguyen et al., 2018). Việc hiểu được những sắc thái văn hóa này là rất quan trọng khi xem xét quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến dịch vụ kế toán.

2.4.6. Áp lực bên ngoài

Áp lực bên ngoài từ nhiều bên liên quan và môi trường kinh doanh rộng lớn hơn có thể ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của một SME. Những áp lực này có thể đến từ nhiều nguồn, bao gồm các cơ quan quản lý, tổ chức tài chính, khách hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh.

Một trong những nguồn áp lực bên ngoài chính là lĩnh vực ngân hàng. Khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm các khoản vay hoặc các hình thức tài trợ khác, các ngân hàng thường yêu cầu các báo cáo tài chính chi tiết và chính xác. Các kế toán viên chuyên nghiệp có thể giúp lập các báo cáo này và cải thiện uy tín của doanh nghiệp vừa và nhỏ với các tổ chức tài chính (Blackburn & Jarvis, 2010). Trong bối cảnh Việt Nam, nơi nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ phải vật lộn để tiếp cận nguồn tín dụng chính thức, khả năng trình bày các báo cáo tài chính chuyên nghiệp có thể là một lợi thế đáng kể (Le et al., 2020).

Áp lực từ các khách hàng hoặc nhà cung cấp lớn hơn cũng có thể thúc đẩy việc áp dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một phần của chuỗi cung ứng cho các tập đoàn lớn hơn có thể phải đối mặt với các yêu cầu về báo cáo tài chính phức tạp hơn hoặc tuân thủ các chuẩn mực kế toán cụ thể (Carey, 2015). Điều này đặc biệt có liên quan trong nền kinh tế hướng đến xuất khẩu của Việt Nam, nơi nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp cho các tập đoàn đa quốc gia.

Áp lực cạnh tranh trong ngành cũng có thể đóng một vai trò. Nếu các đối thủ cạnh tranh được cho là hưởng lợi từ các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể cảm thấy buộc phải làm theo để duy trì lợi thế cạnh tranh của mình (Kamyabi & Devi, 2011). Điều này có thể đặc biệt đúng trong các ngành công nghiệp phát triển nhanh chóng, nơi sự linh hoạt về tài chính và lập kế hoạch chiến lược là rất quan trọng.

Môi trường kinh tế rộng lớn hơn và các chính sách của chính phủ có thể gây áp lực buộc các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải chuyên nghiệp hóa hoạt động kế toán của mình. Ví dụ, các cải cách kinh tế đang diễn ra của Việt Nam và quá trình hội nhập vào thị trường toàn cầu đã làm tăng áp lực buộc các doanh nghiệp phải áp dụng các chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế (Phan và cộng sự, 2019).

Những tiến bộ công nghệ và động lực hướng tới chuyên đổi số trong bối cảnh kinh doanh của Việt Nam cũng tạo ra áp lực bên ngoài. Khi các cơ quan chính phủ chuyển sang nộp thuế kỹ thuật số và hệ thống hóa đơn điện tử, các

doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể cảm thấy áp lực phải tìm kiếm sự trợ giúp chuyên nghiệp để tuân thủ các yêu cầu mới này (Nguyen & Nguyen, 2020).

Cuối cùng, kỳ vọng của xã hội và sự nhân mạnh ngày càng tăng vào quản trị doanh nghiệp và tính minh bạch có thể gây áp lực buộc các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải cải thiện hoạt động quản lý tài chính của mình. Điều này đặc biệt liên quan đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tìm cách thu hút đầu tư nước ngoài hoặc lập kế hoạch tăng trưởng trong tương lai và niềm yết công khai (Nguyen et al., 2018).

Tóm lại, tính phức tạp của doanh nghiệp, đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý và áp lực bên ngoài là những yếu tố có mối liên hệ với nhau ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tính phức tạp ngày càng tăng của hoạt động kinh doanh, do tăng trưởng, đa dạng hóa và tiến bộ công nghệ, thường đòi hỏi sự hỗ trợ của kế toán chuyên nghiệp. Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý, bao gồm trình độ học vấn, kinh nghiệm và nền tảng văn hóa của họ, định hình nhận thức của họ về nhu cầu và giá trị của các dịch vụ này. Trong khi đó, nhiều áp lực bên ngoài từ các bên liên quan và môi trường kinh doanh rộng lớn hơn có thể buộc các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải tìm kiếm sự trợ giúp của kế toán chuyên nghiệp. Việc hiểu các yếu tố này trong bối cảnh cụ thể của bối cảnh kinh doanh tại Việt Nam là rất quan trọng đối với cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi đưa ra quyết định về quản lý tài chính của mình và đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu của phân khúc thị trường quan trọng này.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình nghiên cứu

3.1.1. Thiết kế nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của đề tài được chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Đưa ra giả thuyết và xây dựng mô hình nghiên cứu cho đề tài

Như đã trình bày ở phần mở đầu, mục đích của nghiên cứu này là nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của SME trên địa bàn thành phố Hà Nội, để thực hiện được mục đích này tác giả đã tìm hiểu và xác định các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán qua việc hệ thống hóa, bổ sung và hoàn thiện các công trình nghiên cứu trước đây như đã trình bày ở chương 1: “Tổng quan về đề tài nghiên cứu”. Từ đó, tác giả đánh giá phân loại, đưa ra các giả thuyết và xây dựng mô hình nghiên cứu cho đề tài.

Giai đoạn 2: Nghiên cứu định lượng

Trong giai đoạn này, tác giả đã thu thập và tổng hợp dữ liệu khảo sát qua bảng khảo sát trên Google form. Sau đó sử dụng hệ số Cronbach's alpha và kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá để kiểm định mức độ tin cậy của các thang đo, loại bỏ các nhân tố không phù hợp ra khỏi nghiên cứu, đồng thời đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua phân tích hồi quy bội.

3.1.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của đề tài gồm 4 bước:

Bước 1: Nêu ra tính cấp thiết của vấn đề, xác định khoảng trống nghiên cứu thông qua việc hệ thống hóa các nghiên cứu tiền nhiệm có liên quan.

Bước 2: Tổng kết lại tổng quan nghiên cứu và phát triển cơ sở lý thuyết để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME, đưa ra các giả thuyết nghiên cứu từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu cho đề tài.

Bước 3: Thu thập dữ liệu và thực hiện nghiên cứu định lượng.

Bước 4: Bàn luận kết quả nghiên cứu từ đó đưa ra các kiến nghị.

3.2. Phát triển giả thuyết nghiên cứu

3.2.1. Chi phí thuê ngoài

Mối quan hệ giữa chi phí thuê ngoài và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán đã là chủ đề được quan tâm trong nhiều nghiên cứu trên toàn thế giới. Sự đồng thuận chung giữa các nhà nghiên cứu là chi phí thực sự là một yếu tố quan trọng trong quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài.

Everaert và cộng sự (2007), trong nghiên cứu của họ về các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bỉ, đã phát hiện ra rằng hiệu quả về chi phí là yếu tố chính quyết định trong quyết định thuê ngoài các nhiệm vụ kế toán. Nghiên cứu của họ chỉ ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng thuê ngoài hơn khi họ nhận thấy chi phí thấp hơn so với việc duy trì các chức năng kế toán nội bộ. Điều này cho thấy mối quan hệ tiêu cực giữa chi phí nhận thức và quyết định thuê ngoài.

Trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Malaysia, Dorasamy và cộng sự (2010) xác định chi phí là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thuê ngoài các chức năng kế toán. Nghiên cứu của họ cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ có xu hướng thuê ngoài nhiều hơn khi họ tin rằng điều đó sẽ dẫn đến tiết kiệm chi phí, một lần nữa ngụ ý mối quan hệ tiêu cực giữa chi phí và quyết định thuê ngoài.

Blackburn và cộng sự (2018), trong nghiên cứu định tính của họ về các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Anh, đã lưu ý rằng độ nhạy cảm về chi phí là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài. Họ thấy rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường cân nhắc lợi ích nhận thấy được so với chi phí khi quyết định có nên thuê kế toán viên bên ngoài hay không.

Trong bối cảnh nền kinh tế mới nổi, Kamyabi và Devi (2011) đã nghiên cứu các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran và nhận thấy rằng lợi thế về chi phí được nhận thức là một yếu tố quan trọng trong quyết định sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Phát hiện của họ cho thấy rằng khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhận thức được chi phí thuê ngoài là có lợi, họ có nhiều khả năng sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài hơn.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là một số nghiên cứu đã tìm thấy mối quan hệ phức tạp hơn. Ví dụ, Carey (2015), trong một nghiên cứu về các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Úc, phát hiện ra rằng mặc dù chi phí là một yếu tố cần cân nhắc, nhưng

nó không phải lúc nào cũng là yếu tố chính trong quyết định sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài. Các yếu tố như giá trị nhận thức của dịch vụ và tính phức tạp của môi trường kinh doanh cũng đóng vai trò quan trọng.

Tương tự như vậy, Hafeez và Andersen (2014), trong nghiên cứu của họ về các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Anh, nhận thấy rằng mặc dù chi phí là yếu tố quan trọng, nhưng nó thường bị bỏ qua bởi những cân nhắc về chất lượng dịch vụ và tiềm năng gia tăng giá trị thông qua chuyên môn bên ngoài.

Trong bối cảnh Việt Nam, Le et al. (2020) lưu ý rằng các cân nhắc về chi phí đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xét đến những thách thức kinh tế mà nhiều doanh nghiệp phải đối mặt. Tuy nhiên, họ cũng nhấn mạnh rằng những lợi ích nhận thấy được của các dịch vụ chuyên nghiệp, bao gồm việc tuân thủ tốt hơn và tiếp cận được với chuyên môn, đôi khi có thể lớn hơn những lo ngại về chi phí. Trên cơ sở phân tích ở trên, tác giả cho rằng:

H1: Chi phí thuê ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.2. Nhận thức về lợi ích

Nhiều nghiên cứu trên toàn thế giới đã tìm thấy bằng chứng mạnh mẽ ủng hộ mối quan hệ tích cực giữa lợi ích nhận thấy được và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Carey (2015), trong một nghiên cứu về các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Úc, đã phát hiện ra rằng các doanh nghiệp có nhiều khả năng thuê kế toán viên bên ngoài hơn khi họ nhận thấy những lợi ích đáng kể, chẳng hạn như hiệu suất tài chính được cải thiện và khả năng ra quyết định tốt hơn. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ coi trọng vai trò tư vấn của kế toán viên có xu hướng sử dụng dịch vụ của họ nhiều hơn.

Tại Anh, Jarvis và Rigby (2012) nhận thấy rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng coi kế toán viên là cố vấn kinh doanh hơn là các nhân viên tuân thủ đơn thuần. Lợi ích nhận thức được của tư vấn chiến lược đã ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của họ.

Kamyabi và Devi (2011), khi nghiên cứu các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran, nhận thấy rằng những lợi ích nhận thấy được từ tư vấn chuyên nghiệp, bao gồm cải thiện hiệu suất và lợi thế cạnh tranh, là những yếu tố quan trọng trong quyết định sử dụng dịch vụ kế toán.

Trong bối cảnh các nền kinh tế mới nổi, Nandan (2010) lưu ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Fiji có nhiều khả năng sử dụng dịch vụ kế toán quản lý hơn khi họ nhận ra lợi ích của việc cải thiện quản lý chi phí và đo lường hiệu suất.

Blackburn và cộng sự (2018) nhấn mạnh vai trò của lòng tin và mối quan hệ trong nhận thức của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về lợi ích từ dịch vụ kế toán. Nghiên cứu của họ phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng sử dụng và mở rộng việc sử dụng dịch vụ kế toán khi họ tin tưởng vào kế toán viên của mình và nhận thấy giá trị trong mối quan hệ.

Các nghiên cứu này cùng nhau cho thấy rằng khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhận ra và đánh giá cao những lợi ích của dịch vụ kế toán, bao gồm cải thiện quản lý tài chính, tư vấn chiến lược và hiệu suất kinh doanh, thì họ có nhiều khả năng quyết định sử dụng các dịch vụ này hơn. Do vậy, giả thuyết thứ hai được đặt ra như sau:

H2: Nhận thức về lợi ích có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.3. Môi trường pháp lý

Nghiên cứu từ nhiều quốc gia khác nhau cho thấy việc tuân thủ quy định ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Blackburn và cộng sự (2018) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Vương quốc Anh thường tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán bên ngoài để điều hướng các quy định phức tạp và luôn thay đổi. Tương tự như vậy, tại Úc, Carey (2015) lưu ý rằng các yêu cầu tuân thủ là động lực chính để các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê các kế toán viên chuyên nghiệp. Trong bối cảnh các nền kinh tế mới nổi, Kamyabi và Devi (2011) nhận thấy rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran có nhiều khả năng sử dụng các dịch vụ kế toán hơn khi phải đối mặt với các quy định thuế phức tạp. Le và cộng sự (2020) nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam ngày càng nhận ra tầm quan trọng của sự hỗ trợ chuyên nghiệp trong việc đáp ứng các yêu cầu về quy định, đặc biệt là khi môi trường kinh doanh của đất nước trở nên phức tạp hơn. Dorasamy và cộng sự (2010) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Malaysia thường thuê ngoài các chức năng kế toán để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Các nghiên cứu này cùng nhau chỉ ra rằng khi môi trường pháp lý trở nên phức tạp hơn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có xu hướng tìm kiếm các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp hơn để đảm bảo tuân thủ, giảm rủi ro bị phạt và duy trì tính hợp pháp trong hoạt động

của mình. Môi quan hệ tích cực giữa nhu cầu tuân thủ quy định và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có vẻ nhất quán trong nhiều bối cảnh văn hóa và kinh tế khác nhau, nhấn mạnh tầm quan trọng của nó như một yếu tố thúc đẩy các quyết định quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy, giả thuyết tiếp theo được đặt ra như sau:

H3: Môi trường pháp lý có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.4. Đặc điểm của chủ sở hữu/quản lý doanh nghiệp

Nghiên cứu từ nhiều quốc gia khác nhau đã chứng minh rằng đặc điểm của chủ doanh nghiệp/người quản lý ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Carey và Tanewski (2016) phát hiện ra rằng các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Úc có trình độ học vấn và hiểu biết về tài chính cao hơn có nhiều khả năng nhận ra giá trị của chuyên môn kế toán bên ngoài. Tại Vương quốc Anh, Blackburn và cộng sự (2018) quan sát thấy rằng các chủ sở hữu-người quản lý có định hướng tăng trưởng nhiều hơn và có trọng tâm chiến lược có xu hướng hợp tác sâu rộng hơn với các kế toán viên chuyên nghiệp. Kamyabi và Devi (2011) lưu ý rằng các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran có mạng lưới kinh doanh rộng hơn và có quan điểm quốc tế hơn có xu hướng sử dụng dịch vụ kế toán nhiều hơn. Tại Malaysia, Jayabalan và cộng sự (2009) phát hiện ra rằng độ tuổi, kinh nghiệm và thái độ của chủ sở hữu đối với lời khuyên chuyên môn có mối tương quan tích cực với việc áp dụng các dịch vụ kế toán. Stone (2015) nhấn mạnh rằng các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ của New Zealand có khả năng chịu rủi ro cao hơn và định hướng đổi mới có nhiều khả năng tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán bên ngoài. Các nghiên cứu này cùng nhau cho thấy rằng những người chủ sở hữu-quản lý có trình độ học vấn cao hơn, có định hướng tăng trưởng, có mạng lưới quan hệ và cởi mở với lời khuyên bên ngoài có nhiều khả năng nhận ra lợi ích của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp. Hơn nữa, những người có trọng tâm chiến lược và sẵn sàng ủy quyền có xu hướng coi trọng chuyên môn mà các kế toán viên bên ngoài có thể cung cấp. Mối quan hệ tích cực giữa các đặc điểm của chủ sở hữu/quản lý và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có vẻ nhất quán trong các bối cảnh văn hóa và kinh tế khác nhau, nhấn mạnh tầm quan trọng của nó như một yếu tố chính trong các quyết định quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy, giả thuyết tiếp theo được đặt ra như sau:

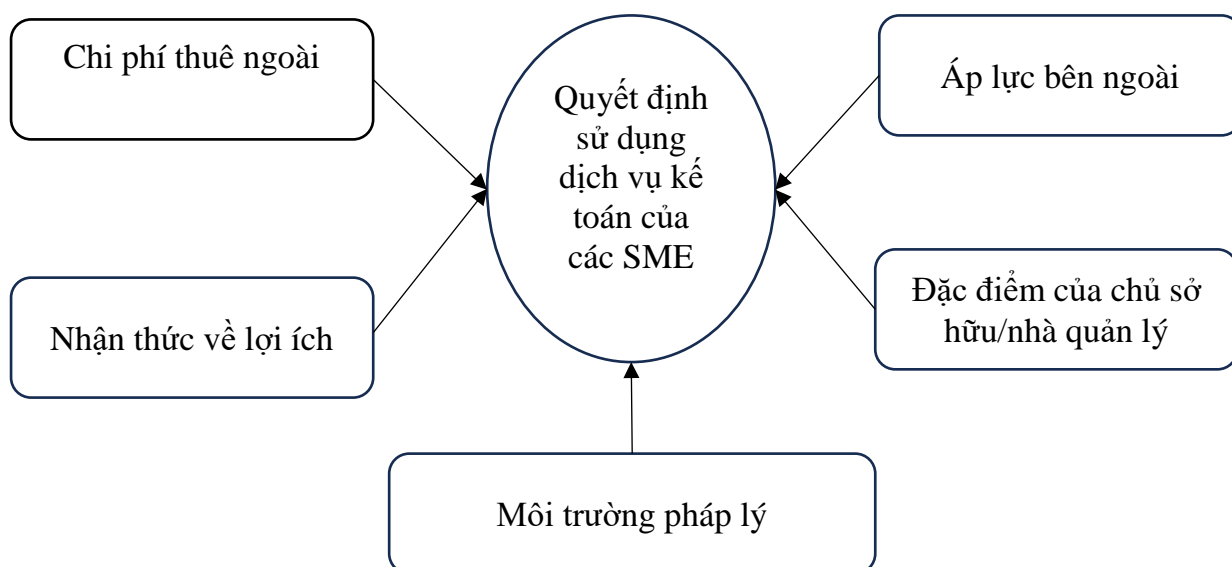
H4: Đặc điểm của chủ sở hữu/nhà quản lý có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.5. Áp lực bên ngoài

Các nghiên cứu từ nhiều quốc gia khác nhau chứng minh rằng áp lực bên ngoài ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Blackburn và Jarvis (2010) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Anh thường tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp để ứng phó với áp lực từ các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác yêu cầu báo cáo tài chính chi tiết. Tại Úc, Carey (2015) quan sát thấy rằng nhu cầu của các bên liên quan bên ngoài, đặc biệt là từ các chủ nợ và nhà đầu tư, đã thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp tác nhiều hơn với các kế toán viên bên ngoài. Kamyabi và Devi (2011) lưu ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran phải đối mặt với áp lực cạnh tranh có nhiều khả năng sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp để đạt được lợi thế chiến lược. Tại Malaysia, Dorasamy và cộng sự (2010) nhấn mạnh rằng các quy định của chính phủ và các tiêu chuẩn kinh doanh quốc tế đã tạo ra áp lực buộc các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải áp dụng các thông lệ kế toán chuyên nghiệp. Le và cộng sự (2020) phát hiện ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam ngày càng chuyển sang các dịch vụ kế toán do áp lực từ các đối tác kinh doanh lớn hơn và nhu cầu tuân thủ các quy định thuế đang thay đổi. Everaert và cộng sự (2007) quan sát thấy rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bỉ tham gia vào thương mại quốc tế phải đối mặt với áp lực bổ sung khi phải sử dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp để quản lý các giao dịch xuyên biên giới phức tạp. Các nghiên cứu này cùng nhau cho thấy rằng áp lực bên ngoài từ các tổ chức tài chính, cơ quan quản lý, đối tác kinh doanh và cạnh tranh thị trường đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp. Mọi quan hệ tích cực giữa áp lực bên ngoài và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có vẻ nhất quán trong các bối cảnh kinh tế và văn hóa khác nhau, nhấn mạnh tầm quan trọng của nó như một yếu tố chính trong các quyết định quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy, giả thuyết tiếp theo được đưa ra như sau:

H5: Áp lực bên ngoài có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ các giả thuyết ở trên tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu chính thức như sau:



Hình 3.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

3.3. Quy trình nghiên cứu định lượng

3.3.1. Thiết kế câu hỏi khảo sát

Cơ sở thiết kế Bảng câu hỏi khảo sát

Bảng câu hỏi được kế thừa từ các nghiên cứu tiền nhiệm, tác giả đã đưa ra 5 nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội với 20 biến đặc trưng.

Thiết kế Bảng câu hỏi khảo sát

Nội dung phiếu khảo sát:

Phần 1: Thông tin người trả lời

Bao gồm các câu hỏi liên quan đến việc thống kê và phân loại đối tượng khảo sát, như:

- Họ tên, giới tính:
- Độ tuổi (Từ 18 đến 25 tuổi; Từ 26 đến 35 tuổi; Từ 36 đến 45 tuổi; Từ 46 đến 55 tuổi; và Trên 55 tuổi)
- Trình độ chuyên môn (Cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ)
- Kinh nghiệm làm việc liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Trên 1 đến 5 năm; Từ 6 đến 10 năm; Từ 11 đến 15 năm; và Trên 16 năm).
- Vị trí việc làm: Giám đốc doanh nghiệp; Quản lý kế toán; Chủ doanh nghiệp.

Phần 2: Câu hỏi khảo sát

- Đánh giá thang đo quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME với 04 tiêu chí đo lường, dựa trên thang đo Likert 5 cấp độ Đồng ý: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý lắm; (3) Đồng ý một phần; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý.
- Đánh giá sự tác động của 5 nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội, với 20 tiêu chí đo lường dựa trên thang đo Likert 5 cấp độ Ảnh hưởng: (1) Không ảnh hưởng; (2) Ít ảnh hưởng; (3) Ảnh hưởng; (4) Rất ảnh hưởng; (5) Đặc biệt ảnh hưởng.
- Chi tiết Bảng câu hỏi khảo sát ở phụ lục 1.

3.3.2. Đối tượng khảo sát

Để đảm bảo tính phù hợp và tính đại diện của nghiên cứu, bảng câu hỏi khảo sát được phân phát cho các đối tượng cụ thể sau: Giám đốc doanh nghiệp; Quản lý kế toán; Chủ doanh nghiệp.

Lý do lựa chọn đối tượng khảo sát

Các đối tượng được chọn để khảo sát là phù hợp bởi vì có thể thu thập được một tập hợp toàn diện các quan điểm về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cách tiếp cận đa bên liên quan này sẽ cho phép phân tích dữ liệu và cung cấp phân tích mạnh mẽ hơn về quá trình ra quyết định phức tạp trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán.

3.3.3. Chọn mẫu khảo sát

Các SME được lựa chọn một cách thuận tiện trên địa bàn thành phố Hà Nội. Để đảm bảo cỡ mẫu nghiên cứu, dựa trên yêu cầu kích thước mẫu tối thiểu để phân tích EFA và hồi quy. Theo quan điểm của Roger (2006) cho thấy, cỡ mẫu tối thiểu áp dụng được trong các nghiên cứu thực hành là từ 150 – 200. Ở công trình nghiên cứu khoa học này, tác giả đã lựa chọn cỡ mẫu tối thiểu theo quan điểm của Roger (2006) là khoảng 200 mẫu.

3.3.4. Phương pháp khảo sát và thu thập dữ liệu

Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và 206 phiếu hợp lệ thu được thông qua việc phát bảng hỏi trực tiếp, gửi và nhận bảng hỏi qua công cụ Google biểu mẫu đến các đối tượng khảo sát kể trên. Thời gian thực hiện từ tháng 04/2024 đến tháng 08/2024. Dựa vào dữ liệu thu thập được, tác giả sử dụng các kỹ thuật định lượng như kiểm tra độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá

... với việc sử dụng phần mềm SPSS22.0 để tóm tắt và trình bày kết quả cơ bản của nghiên cứu.

3.4. Xây dựng thang đo

Trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu tiền nhiệm, đề tài đã lựa chọn các thang đo, điều chỉnh và bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế tại các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số lượng các thang đo đo lường các biến được mã hóa trong bảng 3.1 sau đây:

Bảng 3.1: Mã hóa thuộc tính ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME

TT	Mã hóa	Danh mục câu hỏi khảo sát	Nguồn
I Chi phí thuê ngoài (CPTN)			
1	CPTN1	Hiệu quả chi phí được nhận thức	Everaert và cộng sự (2007), Dorasamy và cộng sự (2010)
2	CPTN2	Kỳ vọng tiết kiệm chi phí	
3	CPTN3	Độ nhạy cảm về giá	
4	CPTN4	Nhận thức về giá trị của chi phí	
II Nhận thức về lợi ích (NTLI)			
5	NTLI1	Kỳ vọng về hiệu suất tài chính được cải thiện	Carey (2015), Kamyabi & Devi (2011), Nandan (2010)
6	NTLI2	Tiếp cận chuyên môn	
7	NTLI3	Giá trị tư vấn chiến lược	
8	NTLI4	Nhận thức về lợi thế cạnh tranh	
III Môi trường pháp lý (MTPL)			
9	MTPL1	Sự phức tạp của nhận thức về quy định	Blackburn và cộng sự (2018), Le và cộng sự (2020)
10	MTPL2	Nhận thức về rủi ro tuân thủ	
11	MTPL3	Tần suất thay đổi quy định	
12	MTPL4	Động lực tránh hình phạt	
IV Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý (DDQL)			
13	DDQL1	Trình độ học vấn	Carey & Tanewski (2016), Sian & Roberts (2009)
14	DDQL2	Kiến thức tài chính	
15	DDQL3	Định hướng tăng trưởng	
16	DDQL4	Khả năng chịu rủi ro	
V Áp lực bên ngoài (ALBN)			
17	ALBN1	Nhu cầu của các bên liên quan	Everaert và cộng sự (2007), Dorasamy và cộng sự (2010)
18	ALBN2	Áp lực cạnh tranh	
19	ALBN3	Áp lực thể chế	
20	ALBN4	Sự phức tạp của thị trường	
VI Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán (SDDV)			
21	SDDV1	Ý định sử dụng dịch vụ kế toán	Kamyabi & Devi (2011), Blackburn và
22	SDDV2	Sự hài lòng với dịch vụ kế toán	
23	SDDV3	Mức độ sử dụng dịch vụ kế toán	

TT	Mã hóa	Danh mục câu hỏi khảo sát	Nguồn
24	SDDV4	Tần suất sử dụng dịch vụ kế toán	cộng sự (2018)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

3.5. Phương pháp đo lường và xử lý dữ liệu

Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng chủ yếu là:

- (1) Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha
- (2) Phân tích nhân tố khám phá EFA
- (3) Phân tích tương quan Pearson
- (4) Phân tích hồi quy tuyến tính bội.

Đầu tiên, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu từ bảng khảo sát, tổng hợp và mã hóa vào phần mềm thống kê SPSS phiên bản 26.0. Qua đó, tác giả tổng hợp lại kết quả khảo sát của các đối tượng để có được cái nhìn tổng quát về kết quả thu thập được. Sau khi có đầy đủ dữ liệu trên SPSS, tác giả tiến hành phân tích dữ liệu theo 04 bước sau:

(1) Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Để tính Cronbach's alpha cho một thang đo thì thang đo đó phải có tối thiểu là ba biến đo lường. Hệ số Cronbach's alpha có giá trị biến thiên trong khoảng [0;1]. Về lý thuyết, Cronbach's alpha càng cao càng tốt (thang đo càng có độ tin cậy cao). Tuy nhiên điều này không thực sự như vậy. Hệ số Cronbach's alpha quá lớn ($\alpha > 0,95$) cho thấy có nhiều biến trong thang đo không có khác biệt gì nhau (nghĩa là chúng cùng đo lường một nội dung nào đó của khái niệm nghiên cứu). Hiện tượng này gọi là hiện tượng trùng lặp trong đo lường (redundancy). Vì vậy một thang đo có độ tin cậy tốt khi nó biến thiên trong khoảng [0,70 – 0,80]. Nếu Cronbach's alpha $\geq 0,60$ là thang đo có thể chấp nhận về mặt độ tin cậy (Nunnally & Bernstein, 1994) (theo Nguyễn Đình Thọ, 2012, trang 350).

Các biến đo lường dùng để đo lường cùng một khái niệm nghiên cứu nên chúng phải có tương quan chặt chẽ với nhau. Vì vậy khi kiểm tra từng biến đo lường, tác giả sử dụng hệ số tương quan biến tổng. Trong phần mềm SPSS sử dụng hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh (corrected item-total correction). Hệ số này lấy tương quan của biến đo lường xem xét với tổng các biến còn lại của thang đo. Nếu một biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ thì biến đó đạt yêu cầu (Nunnally & Bernstein, 1994) (theo Nguyễn Đình Thọ, 2012, trang 351).

(2) Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Phân tích nhân tố là một kỹ thuật phân tích nhằm “trích xuất” dữ liệu rất có ích cho việc xác định các tập hợp biến cần thiết cho vấn đề nghiên cứu. Quan hệ giữa các nhóm biến có liên hệ qua lại lẫn nhau được xem xét dưới dạng một số các nhân tố cơ bản. Mỗi một biến quan sát sẽ được tính một tỷ số, được gọi là hệ số tải nhân tố (factor loading). Hệ số này sẽ cho người nghiên cứu biết mỗi biến đo lường sẽ thuộc về những nhân tố nào. Trong phân tích nhân tố, yêu cầu cần thiết là hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) phải có giá trị lớn ($0,5 < \text{KMO} < 1,0$) thể hiện phân tích nhân tố là thích hợp, còn nếu hệ số $\text{KMO} < 0,5$ thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với các dữ liệu. Ngoài ra, hệ số tải nhân tố của từng biến quan sát phải có giá trị lớn hơn 0,5 (Hair và cộng sự, 1998), và dừng khi trích các nhân tố có Eigenvalue lớn hơn 1.

(3) Phân tích tương quan Pearson

Được sử dụng để kiểm định mối tương quan tuyến tính giữa các biến trong mô hình (giữa biến phụ thuộc với từng biến độc lập và giữa các biến độc lập với nhau). Hệ số tương quan Pearson (ký hiệu là r) được tính toán để lượng hóa mức độ chặt chẽ trong mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến định lượng, giá trị tuyệt đối của hệ số này càng gần 1,0 thì hai biến này có tương quan tuyến tính càng chặt chẽ (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008)⁴⁸. Đồng thời, hiện tượng đa cộng tuyến cũng sẽ được xem xét.

(4) Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Sau khi kết luận các biến có mối liên hệ tuyến tính thì có thể mô hình hóa mối quan hệ nhân quả của các biến này bằng mô hình hồi quy tuyến tính. Nghiên cứu thực hiện hồi quy đa biến theo phương pháp Enter, tức đưa các biến vào một lượt.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu

Kết quả thu thập mẫu

Sau khi tiến hành khảo sát, tác giả đã thu thập được 217 phiếu và đã loại 11 phiếu không hợp lệ. Lý do là do kết quả trả lời thiếu thông tin, kết quả trả lời một đáp án hoặc kết quả trả lời một đáp án theo từng nhân tố. Các phiếu trả lời không hợp lý này sẽ làm mất độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Như vậy, số phiếu khảo sát hợp lệ là 206 phiếu được đưa vào để phân tích mô hình đã nêu ở trên.

Giới tính: Mẫu khảo sát chủ yếu là nam (65,5%) so với nữ (34,5%), cho thấy sự mất cân bằng giới tính đáng kể ở những người trả lời.

Độ tuổi: Phần lớn người trả lời có độ tuổi từ 26 đến 35 (43,2%), tiếp theo là độ tuổi từ 36 đến 45 (21,8%). Điều này cho thấy lực lượng lao động tương đối trẻ đến trung niên, với hơn 60% người trả lời dưới 35 tuổi.

Trình độ học vấn: Phần lớn người trả lời (88,3%) có bằng cử nhân, với một tỷ lệ nhỏ có bằng cấp cao hơn (7,8% là Thạc sĩ và 3,9% là Tiến sĩ). Điều này cho thấy mẫu có trình độ học vấn cao.

Vị trí công việc: Mẫu được phân bố khá đồng đều giữa Giám đốc (38,8%), Quản lý kế toán (35,9%) và chủ doanh nghiệp (25,2%), cho thấy sự kết hợp tốt giữa các quan điểm từ các cấp độ khác nhau của hệ thống phân cấp tổ chức.

Kinh nghiệm: Nhóm lớn nhất (39,8%) có từ 1 đến 5 năm kinh nghiệm, tiếp theo là những người có từ 6 đến 10 năm (34,5%). Điều này cho thấy lực lượng lao động tương đối có kinh nghiệm, với hơn 60% có hơn 5 năm kinh nghiệm.

Nhìn chung, mẫu đại diện cho một nhóm chuyên gia chủ yếu là nam giới, có trình độ học vấn cao và tương đối trẻ đến trung niên với sự kết hợp tốt giữa các vị trí công việc và xu hướng có trình độ kinh nghiệm ở mức trung bình.

Bảng 4.1. Đặc điểm của đối tượng được khảo sát

No.	Thông tin nhân khẩu học		Số người	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	135	65,5%
		Nữ	71	34,5%
2	Tuổi	Từ 18 đến 25 tuổi	36	17,5%
		Từ 26 đến 35 tuổi	89	43,2%
		Từ 36 đến 45 tuổi	45	21,8%

		Từ 46 đến 55 tuổi	27	13,1%
		Trên 55 tuổi	9	4,4%
3	Trình độ học vấn	Tiến sĩ	8	3,9%
		Thạc sĩ	16	7,8%
		Cử nhân	182	88,3%
4	Vị trí việc làm	Giám đốc doanh nghiệp	80	38,8%
		Quản lý kế toán	74	35,9%
		Chủ doanh nghiệp	52	25,2%
5	Kinh nghiệm	Trên 1 đến 5 năm	82	39,8%
		Từ 6 đến 10 năm	71	34,5%
		Từ 11 đến 15 năm	38	18,4%
		Trên 16 năm	15	7,3%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ quá trình điều tra)

Kết luận:

206 phiếu khảo sát hợp lệ được đưa vào mô hình phân tích, được thực hiện bởi đối tượng khảo sát có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn tốt, am hiểu kiến thức về kế toán đảm bảo độ tin cậy, chất lượng của kết quả khảo sát.

Kết quả thống kê mô tả:

- Giá trị trung bình (mean) của quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME =3,57. Điều này thể hiện các đối tượng khảo sát đã đánh giá nhân tố quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME với những biến đặc trưng đang ở mức độ đồng ý.

- Giá trị trung bình (mean) của các biến độc lập được đưa ra đều lớn hơn 3. Điều này thể hiện có sự ảnh hưởng của các biến độc lập đưa ra là hợp lý.

- Giá trị Std. Deviation (Độ lệch chuẩn) của các biến là tương đối ổn định (0,604 đến 0,731) thể hiện câu trả lời tương đối nhất quán.

4.2. Kết quả kiểm định chất lượng thang đo

Nhân tố quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME

Kết quả kiểm định chất lượng thang đo quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME với 4 biến quan sát bằng phần mềm SPSS22.0 thể hiện như sau:

Bảng 4.2: Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME (SDDV): $\alpha = 0.700$				
SDDV1	8.18	0.881	0.490	0.635
SDDV2	7.85	0.949	0.465	0.648
SDDV3	8.03	0.936	0.466	0.652
SDDV4	8.11	0.938	0.436	0.637

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS22.0)

Thang đo nhân tố quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME có hệ số $\alpha = 0.700$ thể hiện mức độ tin cậy cao của thang đo. Hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3 nên các biến quan sát đều thoả mãn tiếp tục đưa vào mô hình nghiên cứu.

Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME

Kết quả đánh giá chất lượng thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME (5 thang đo với 20 biến quan sát) bằng phần mềm SPSS22.0 như sau:

Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item – Total Corelation) của các biến quan sát đều lớn hơn 0.3. Hệ số Cronbach's Alpha của tổng thể đều lớn hơn 0.6. Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo không có hệ số nào quá lớn (khoảng 0.95 trở lên) nên không có sự trùng lặp của các thang đo. Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến của các biến quan sát đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng. Kết quả kiểm định thang đo lần 2 ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội với 20 biến quan sát, thể hiện ở Bảng 4.3 dưới đây.

Bảng 4.3: Bảng tổng hợp kết quả kiểm định chất lượng thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Chi phí thuê ngoài (CPTN): $\alpha = 0.746$				
CPTN1	13.78	4.959	0.423	0.726
CPTN2	13.35	5.589	0.424	0.725
CPTN3	13.17	5.331	0.472	0.709
CPTN4	13.52	5.474	0.436	0.712
Nhận thức về lợi ích (NTLI): $\alpha = 0.717$				

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
NTLI1	10.19	6.570	0.421	0.710
NTLI2	10.34	5.974	0.388	0.712
NTLI3	10.99	4.007	0.648	0.558
NTLI4	10.78	4.261	0.623	0.576
Môi trường pháp lý (MTPL): $\alpha = 0.803$				
MTPL1	12.37	8.988	0.671	0.737
MTPL2	12.31	9.536	0.588	0.764
MTPL3	12.49	8.652	0.692	0.729
MTPL4	12.42	9.708	0.631	0.753
Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý (DDQL): $\alpha = 0.864$				
DDQL1	12.52	5.761	0.682	0.812
DDQL2	12.36	6.537	0.697	0.784
DDQL3	12.78	5.778	0.752	0.852
DDQL4	12.81	5.799	0.712	0.798
Áp lực bên ngoài (ALBN): $\alpha = 0.746$				
ALBN1	7.56	2.445	0.550	0.697
ALBN2	7.37	2.817	0.620	0.642
ALBN3	7.48	2.971	0.554	0.678
ALBN4	7.54	2.845	0.523	0.688

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS 22.0)

Kết luận: mô hình giữ nguyên 5 thang đo đại diện cho các nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME và 01 thang đo đại diện cho quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME với 24 biến đặc trưng.

4.3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Quá trình phân tích nhân tố khám phá EFA được thực hiện riêng biệt cho 02 nhóm biến độc lập và biến phụ thuộc, kết quả như trình bày ở Bảng 4.4.

Bảng 4.4. Bảng kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho biến độc lập

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy	0.733	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	612.304
	df	286
	Sig.	0.000

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 22)

Kết quả phân tích EFA cho biến độc lập ở Bảng 4.4 cho thấy, trị số KMO bằng 0.733 và kiểm định Barlett có giá trị 612.304 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05 chứng tỏ dữ liệu được sử dụng trong phân tích là phù hợp. Có 5 nhân tố được trích tại Eigenvalues = 1.328 > 1, nên có thể khẳng định số nhân tố được rút trích là phù hợp. Tổng phương sai giải thích của phân tích nhân tố là 64.147 % > 50%. Điều này có nghĩa là 64.147% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát.

Kết quả phân tích EFA cho biến phụ thuộc cho thấy, hệ số KMO = 0.801, do đó việc phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế. Đại lượng Sig. = 0.000 thỏa mãn điều kiện Sig. ≤ 0.05 nên kiểm định này có ý nghĩa thống kê và các biến quan sát có mối tương quan với nhau trong tổng thể, chứng tỏ dữ liệu được sử dụng trong phân tích là phù hợp. Phân tích tổng phương sai trích cho biến phụ thuộc cho thấy giá trị phần trăm phương sai toàn bộ Percentage of variance = 68.568% > 50%, giá trị Eigenvalue = 1.309 > 1, như vậy mô hình đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá và hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn 0.5 nên các biến quan sát có ý nghĩa thực tiễn. Vậy biến phụ thuộc được giữ nguyên theo biến độc lập ban đầu và có 05 biến quan sát.

Kết quả ma trận xoay các nhân tố

Tiếp theo, bảng ma trận nhân tố sau khi xoay sẽ được xem xét, kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát đã được tập hợp thành 05 nhóm biến với trật tự các biến quan sát đều được giữ nguyên so với các biến độc lập đã được xây dựng ban đầu, các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0.5 do đó 05 nhóm biến độc lập này có ý nghĩa thực tiễn.

Bảng 4.5: Ma trận xoay các nhân tố

	Components				
	1	2	3	4	5
CPTN1	.779				
CPTN3	.753				
CPTN2	.750				
CPTN4	.744				
NTLI2		.947			
NTLI1		.938			
NTLI3		.801			
NTLI4		.737			
MTPL1			.866		
MTPL3			.684		

	Components				
	1	2	3	4	5
MTPL2			.646		
MTPL4			.643		
DDQL1				.885	
DDQL3				.878	
DDQL4				.678	
DDQL2				.656	
ALBN3					.819
ALBN2					.807
ALBN4					.792
ALBN1					.765

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 22)

Trên cơ sở kết quả của bảng ma trận xoay các nhân tố, mô hình nghiên cứu được giữ nguyên.

4.4. Kết quả phân tích tương quan Pearson

Kết quả phân tích tương quan Pearson được thể hiện trong Bảng 4.6 sau đây.

Bảng 4.6. Kết quả phân tích tương quan Pearson

		CPTN	NTRI	MTPL	DDQL	ALBN	SDDV
CPTN	Pearson Correlation	1					
	Sig. (2-tailed)						
NTRI	Pearson Correlation	.355**	1				
	Sig. (2-tailed)	.000					
MTPL	Pearson Correlation	.243**	.247**	1			
	Sig. (2-tailed)	.0001	.000				
DDQL	Pearson Correlation	.338**	.432**	.240**	1		
	Sig. (2-tailed)	.000	.004	.000			
ALBN	Pearson Correlation	.454**	.372**	.176**	.353**	1	
	Sig. (2-tailed)	.001	.000	.002	.000		
SDDV	Pearson Correlation	-.436**	.446**	.276**	.487**	.215**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.001	.000	.003	.000	

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed)

* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed)

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS22)

Các giá trị Sig. đều nhỏ hơn 0,05; do đó các mối liên hệ tuyến tính này đều có ý nghĩa về mặt thống kê và tất cả chúng đều tương quan thuận chiều nhau. Ngoại trừ biến CPTN có mối tương quan nghịch chiều với biến SDDV.

4.5. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình hồi quy tuyến tính sau khi đã hiệu chỉnh (sau phân tích EFA), như sau:

$$\text{SDDV} = \beta_0 + \beta_1 \cdot \text{CPTN} + \beta_2 \cdot \text{NTLI} + \beta_3 \cdot \text{MTPL} + \beta_4 \cdot \text{DDQL} + \beta_5 \cdot \text{ALBN} + \varepsilon$$

Trong đó:

$\beta_1, \beta_2 \dots$ là hệ số hồi quy, β_0 là hệ số chặn, ε là phần dư.

SDDV: biến phụ thuộc

CPTN, NTLI, MTPL, DDQL, ALBN: biến độc lập

Bảng 4.7. Kết quả hồi quy tuyến tính Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	.021	.136		.147	.756			
	CPTN	-.161	.027	-.234	6.129	.000	.632	1.582
	NTLI	.097	.028	.142	3.521	.001	.789	1.267
	MTPL	.106	.026	.135	4.203	.000	.684	1.461
	DDQL	.173	.027	.226	6.611	.002	.678	1.474
	ALBN	.084	.034	.103	2.544	.000	.847	1.180

a. Dependent Variable: SDDV.

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 22)

Bảng 4.8. Bảng tóm tắt mô hình^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Durbin-Watson
1	.722 ^a	.638	.604	1.812

a. Predictors: (Constant), CPTN, NTLI, MTPL, DDQL, ALBN.

b. Dependent Variable: SDDV.

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 22)

Bảng 4.9. Bảng phân tích ANOVA^a mô hình

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	101.245	5	20.247	40.650	.000 ^b
	Residual	78.451	176	.445		
	Total	179.696	181			

a. Dependent Variable: SDDV

b. Predictors: (Constant), CPTN, NTLI, MTPL, DDQL, ALBN.

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS 22)

R^2 hiệu chỉnh = 0.604 > 0.5 chứng tỏ độ phù hợp của mô hình là chấp nhận được. Có nghĩa là các biến độc lập giải thích được 60.40% sự thay đổi của biến phụ thuộc “quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME”, còn 39.6% là do sai số ngẫu nhiên hoặc các nhân tố khác ngoài mô hình.

Việc đánh giá mức độ phù hợp của mô hình được dựa theo bảng phân tích phương sai (Analysis of Variance - ANOVA). Kết quả kiểm định ANOVA với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính bội đã xây dựng phù hợp với tập dữ liệu.

Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến: Chỉ tiêu nhân tử phóng đại phương sai (VIF) của tất cả các biến độc lập đều nhỏ hơn 10 nên hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình được đánh giá là không nghiêm trọng.

Hệ số Durbin - Watson dùng để kiểm định tương quan của các phần dư cho thấy mô hình không vi phạm khi sử dụng phương pháp hồi quy bội, vì giá trị Durbin - Watson đạt được là 1.182. Hay nói cách khác, mô hình không có hiện tượng tương quan của các phần dư.

Các biến độc lập NTLI, MTPL, DDQL, ALBN đều tác động có ý nghĩa thống kê (do Sig. < 0.05) đến biến phụ thuộc SDDV và hệ số $\beta > 0$ chứng tỏ có ảnh hưởng thuận chiều với biến phụ thuộc SDDV. Ngoại trừ biến CPTN có mối quan hệ ngược chiều với biến phụ thuộc SDDV. Do đó, chấp nhận giả thuyết ban đầu, các biến độc lập có liên hệ tuyến tính với biến phụ thuộc và hoàn toàn phù hợp với mô hình. Từ đó, phương trình hồi quy với hệ số beta chuẩn hóa như sau:

$$\text{SDDV} = -0.234 \cdot \text{CPTN} + 0.142 \cdot \text{NTLI} + 0.135 \cdot \text{MTPL} + 0.226 \cdot \text{DDQL} + 0.103 \cdot \text{ALBN}$$

Kết quả hồi quy với hệ số beta chuẩn hóa cho thấy rằng cả 5 yếu tố CPTN, NTLI, MTPL, DDQL và ALBN đều có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chi phí thuê ngoài (CPTN): $\text{Beta} = -0,234$, yếu tố này có tác động mạnh nhất đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, nhưng lại là yếu tố tiêu cực. Điều này cho thấy khi chi phí nhận thức tăng lên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ít có khả năng sử dụng dịch vụ kế toán hơn. Điều này phù hợp với nhiều nghiên cứu nhấn mạnh chi phí là rào cản đáng kể đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi áp dụng dịch vụ bên ngoài. Tuy nhiên, điều thú vị cần lưu ý là mặc dù là yếu tố mạnh nhất, nhưng nó không chiếm ưu thế áp đảo so với các yếu tố khác.

Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý (DDQL): $\text{Beta} = 0,226$, đây là yếu tố mạnh thứ hai và có tác động tích cực. Nó cho thấy rằng một số đặc điểm của chủ sở hữu hoặc người quản lý (như trình độ học vấn, hiểu biết về tài chính hoặc thái độ đối với lời khuyên chuyên môn) làm tăng đáng kể khả năng sử dụng dịch vụ kế toán. Điều này phù hợp với nghiên cứu chỉ ra rằng những người quản lý có nhiều hiểu biết hoặc hướng đến tăng trưởng có nhiều khả năng tìm kiếm sự hỗ trợ chuyên nghiệp hơn.

Nhận thức về lợi ích (NTLI): $\text{Beta} = 0,142$, hệ số dương cho thấy khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhận thấy lợi ích lớn hơn từ các dịch vụ kế toán, họ có nhiều khả năng sử dụng chúng hơn. Mặc dù không mạnh bằng chi phí hoặc đặc điểm của chủ sở hữu, nhưng đây vẫn là một yếu tố quan trọng. Điều này hỗ trợ cho ý tưởng rằng việc giáo dục các doanh nghiệp vừa và nhỏ về các lợi ích tiềm năng của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể làm tăng việc áp dụng.

Môi trường pháp lý (MTPL): $\text{Beta} = 0,135$, tác động tích cực của môi trường pháp lý cho thấy khi tính phức tạp của quy định hoặc các yêu cầu tuân thủ tăng lên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng tìm kiếm dịch vụ kế toán hơn. Điều này phù hợp với các nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp thường tìm đến sự trợ giúp chuyên nghiệp để điều hướng các bối cảnh quy định phức tạp.

Áp lực bên ngoài (ALBN): $\text{Beta} = 0,103$, mặc dù có tác động nhỏ nhất trong số các yếu tố quan trọng, nhưng nó vẫn đóng một vai trò. Áp lực bên ngoài, có thể bao gồm nhu cầu từ các bên liên quan, áp lực cạnh tranh hoặc chuẩn mực của ngành, có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán.

CHƯƠNG 5 THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, CÁC KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả cho thấy quyết định sử dụng dịch vụ kế toán chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, không chỉ một khía cạnh chủ đạo. Điều này làm nổi bật tính phức tạp của việc ra quyết định trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dù chi phí là yếu tố mạnh nhất, nhưng tác động của nó không lớn hơn nhiều so với các yếu tố khác. Điều này cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, mặc dù có ý thức về chi phí, cũng cân nhắc các khía cạnh quan trọng khác khi đưa ra quyết định này.

Sự tác động tích cực mạnh mẽ của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý cho thấy các yếu tố nội bộ đóng vai trò quan trọng. Điều này có thể ngụ ý rằng các nỗ lực giáo dục và thay đổi nhận thức trong số các nhà lãnh đạo SME có thể có hiệu quả trong việc tăng cường sử dụng các dịch vụ kế toán.

Ngoài ra, ảnh hưởng của môi trường pháp lý cho thấy khi các quy định trở nên phức tạp hơn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng tìm kiếm sự trợ giúp chuyên nghiệp hơn. Điều này có thể đặc biệt phù hợp trong bối cảnh bối cảnh kinh doanh đang thay đổi của Việt Nam.

Tuy nhiên, tác động tương đối cân bằng của các yếu tố khác nhau cho thấy cách tiếp cận đa diện để khuyến khích sử dụng dịch vụ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể hiệu quả nhất. Điều này có thể bao gồm giải quyết các mối quan tâm về chi phí, giáo dục về lợi ích, hỗ trợ tuân thủ các quy định và tận dụng áp lực bên ngoài.

Những phát hiện của nghiên cứu này về quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội có một số điểm tương đồng với các nghiên cứu trước đây, đồng thời cũng chỉ ra một số điểm khác biệt đáng chú ý. Về mặt tương đồng, tác động tiêu cực của chi phí thuê ngoài phù hợp với các nghiên cứu như Everaert và cộng sự (2007) và Dorasamy và cộng sự (2010), trong đó phát hiện ra rằng chi phí là một yếu tố quan trọng trong quyết định thuê ngoài các chức năng kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bỉ và Malaysia. Ảnh hưởng tích cực của các lợi ích được nhận thức phù hợp với các phát hiện của Carey (2015) tại Úc và Kamyabi và Devi (2011) tại Iran, nơi các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều khả năng thuê kế toán viên bên ngoài hơn khi họ nhận ra những lợi ích đáng kể.

Tầm quan trọng của môi trường pháp lý trong nghiên cứu này tương tự như những phát hiện của Blackburn et al. (2018) tại Vương quốc Anh và Le et al.

(2020) tại Việt Nam, cả hai đều nhấn mạnh vai trò của các quy định phức tạp trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp. Tương tự như vậy, tác động đáng kể của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý phù hợp với các nghiên cứu của Carey và Tanewski (2016) tại Úc và Blackburn et al. (2018) tại Vương quốc Anh, trong đó phát hiện ra rằng các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ có trình độ học vấn cao hơn và hướng tới tăng trưởng có nhiều khả năng coi trọng chuyên môn kế toán bên ngoài hơn. Ảnh hưởng tích cực của áp lực bên ngoài, mặc dù nhỏ hơn trong nghiên cứu này, nhưng phù hợp với những phát hiện của Gooderham et al. (2004) tại Na Uy, nơi áp lực cạnh tranh làm tăng khả năng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm dịch vụ tư vấn từ các kế toán viên.

Tuy nhiên, cũng có những khác biệt đáng chú ý giữa nghiên cứu này và các nghiên cứu trước đây. Trong khi các yếu tố được xác định là tương tự nhau, thì tầm quan trọng tương đối của chúng lại khác nhau. Trong nghiên cứu này, chi phí có tác động mạnh nhất, tiếp theo là đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý. Điều này trái ngược với các nghiên cứu như Kamyabi và Devi (2011), trong đó giá trị nhận thức của các dịch vụ quan trọng hơn chi phí đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Iran. Ngoài ra, trong khi chi phí có liên quan tiêu cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, thì tác động của nó không mạnh hơn hẳn so với các yếu tố khác. Điều này khác với các nghiên cứu như Everaert và cộng sự (2007), trong đó chi phí được phát hiện là yếu tố quyết định chính đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bỉ.

Tác động của áp lực bên ngoài, mặc dù đáng kể, nhưng có ảnh hưởng nhỏ nhất trong số các yếu tố trong nghiên cứu này. Điều này trái ngược với nghiên cứu như Blackburn và Jarvis (2010), trong đó phát hiện ra rằng áp lực bên ngoài từ các tổ chức tài chính là động lực chính khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Anh tìm kiếm hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp. Điều quan trọng cần lưu ý là những khác biệt này có thể phản ánh bối cảnh cụ thể của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, làm nổi bật tầm quan trọng của việc xem xét môi trường kinh doanh địa phương trong các nghiên cứu như vậy.

Tóm lại, trong khi nghiên cứu này có nhiều điểm chung với các nghiên cứu trước đây về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nghiên cứu này cũng cho thấy những khía cạnh độc đáo về tầm quan trọng và tác động tương đối của các yếu tố này. Những sắc thái này

nhấn mạnh giá trị của nghiên cứu theo ngữ cảnh cụ thể trong việc hiểu các quy trình ra quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên các bối cảnh địa lý và văn hóa khác nhau.

5.2. Các kiến nghị đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số ý nghĩa với các bên liên quan, cụ thể như sau:

5.2.1. Ý nghĩa đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có một số hàm ý quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Những hàm ý này có thể hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ đưa ra quyết định sáng suốt hơn về hoạt động quản lý tài chính và việc sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Phân tích chi phí-lợi ích chiến lược

Với tác động tiêu cực mạnh mẽ của chi phí thuê ngoài đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tiến hành phân tích chi phí-lợi ích kỹ lưỡng khi cân nhắc các dịch vụ này. Mặc dù chi phí trước mắt có vẻ cao, các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cân nhắc các lợi ích dài hạn, chẳng hạn như cải thiện quản lý tài chính, tuân thủ tốt hơn và tiết kiệm chi phí tiềm năng từ việc tránh các lỗi tài chính hoặc hình phạt. Điều này ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên nhìn xa hơn tác động tài chính ngắn hạn và cân nhắc giá trị chiến lược của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp trong tăng trưởng kinh doanh và tính bền vững tổng thể của họ.

Đầu tư vào kiến thức tài chính

Ảnh hưởng tích cực đáng kể của đặc điểm chủ sở hữu/người quản lý đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên ưu tiên đầu tư vào kiến thức tài chính và kỹ năng quản lý của đội ngũ lãnh đạo. Điều này có thể bao gồm việc tham dự các hội thảo quản lý tài chính, theo đuổi các khóa học có liên quan hoặc tham gia vào các mạng lưới học tập ngang hàng. Kiến thức tài chính nâng cao có thể giúp các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu rõ hơn về sự phức tạp của quản lý tài chính và giá trị tiềm năng của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, dẫn đến việc ra quyết định sáng suốt hơn.

Tiếp cận chủ động để tuân thủ quy định

Tác động tích cực của môi trường pháp lý đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên áp dụng cách tiếp cận chủ

động để tuân thủ quy định. Điều này có nghĩa là phải luôn cập nhật thông tin về những thay đổi về quy định, hiểu được ý nghĩa của chúng và nhận ra khi nào cần có sự hỗ trợ chuyên nghiệp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên xem dịch vụ kế toán không chỉ là chi phí mà còn là công cụ chiến lược để điều hướng bối cảnh quy định phức tạp và giảm thiểu rủi ro tuân thủ.

Tận dụng dịch vụ kế toán để tăng trưởng doanh nghiệp

Mối quan hệ tích cực giữa lợi ích nhận thấy và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên khám phá toàn bộ phạm vi lợi ích mà các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể cung cấp. Điều này vượt ra ngoài việc ghi sổ kế toán cơ bản và tuân thủ thuế để bao gồm lập kế hoạch tài chính chiến lược, phân tích hiệu suất và hỗ trợ quyết định. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên xem xét cách các dịch vụ kế toán có thể đóng góp vào chiến lược tăng trưởng doanh nghiệp và lợi thế cạnh tranh của họ.

Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược

Ảnh hưởng của áp lực bên ngoài, mặc dù nhỏ hơn, ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cân nhắc đến kỳ vọng của các bên liên quan khi đưa ra quyết định về các hoạt động quản lý tài chính. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán để nâng cao uy tín với các ngân hàng, nhà đầu tư và các đối tác kinh doanh lớn hơn. Các quan hệ đối tác như vậy có khả năng mở ra những cơ hội mới cho sự tăng trưởng và mở rộng.

Gói dịch vụ được thiết kế riêng

Ảnh hưởng cân bằng của nhiều yếu tố cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu đa dạng khi nói đến dịch vụ kế toán. Điều này ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp các gói dịch vụ linh hoạt, được thiết kế riêng phù hợp với nhu cầu cụ thể và hạn chế về ngân sách của họ. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ không nên ngần ngại đàm phán các điều khoản dịch vụ phù hợp nhất với tình hình hiện tại và kế hoạch tăng trưởng của họ.

Chấp nhận công nghệ

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, bản chất phát triển của các dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cởi mở với việc chấp nhận các giải pháp do công nghệ thúc đẩy. Điều này có thể bao gồm việc áp dụng phần mềm kế toán dựa trên đám mây hoặc khám phá các mô hình kết hợp

công nghệ với giám sát chuyên nghiệp. Các cách tiếp cận như vậy có thể giúp giải quyết các mối quan tâm về chi phí trong khi vẫn cung cấp quyền truy cập vào chuyên môn chuyên nghiệp.

Đánh giá định kỳ các hoạt động quản lý tài chính

Bản chất đa diện của quá trình ra quyết định ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tiến hành đánh giá định kỳ các hoạt động quản lý tài chính của mình. Điều này bao gồm việc đánh giá lại nhu cầu của họ, đánh giá hiệu quả của các hoạt động hiện tại và xem xét liệu các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể tạo thêm giá trị cho hoạt động của họ hay không. Các đánh giá thường xuyên có thể đảm bảo rằng các hoạt động quản lý tài chính phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của doanh nghiệp và các điều kiện thị trường thay đổi.

Trau dồi kỹ luật tài chính

Ý nghĩa chung của nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên nuôi dưỡng văn hóa kỷ luật tài chính trong tổ chức của mình. Điều này bao gồm việc duy trì hồ sơ tài chính chính xác, phân tích hiệu suất tài chính thường xuyên và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu. Ngay cả khi các dịch vụ chuyên nghiệp đầy đủ không khả thi ngay lập tức, việc áp dụng các hoạt động này có thể mở đường cho việc quản lý tài chính tinh vi hơn trong tương lai.

Mạng lưới và chia sẻ kiến thức

Bản chất cụ thể theo ngữ cảnh của các phát hiện ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội có thể hưởng lợi từ việc tăng cường mạng lưới và chia sẻ kiến thức với các đồng nghiệp. Điều này có thể bao gồm việc tham gia vào các hiệp hội ngành, tham dự các diễn đàn kinh doanh hoặc tham gia các chương trình cố vấn. Các hoạt động như vậy có thể cung cấp những hiểu biết có giá trị về các thông lệ tốt nhất trong quản lý tài chính và việc sử dụng hiệu quả các dịch vụ kế toán.

Tóm lại, những hàm ý này nhấn mạnh nhu cầu các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội cần có cách tiếp cận chiến lược, có hiểu biết đối với các hoạt động quản lý tài chính và sử dụng dịch vụ kế toán. Bằng cách cân nhắc những hàm ý này, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đưa ra những quyết định hiệu quả hơn, cân bằng giữa các cân nhắc về chi phí với những lợi ích tiềm năng của chuyên môn tài chính chuyên nghiệp, cuối cùng góp phần vào sự tăng trưởng và thành công lâu dài của họ trong môi trường kinh doanh cạnh tranh.

5.2.2. Ý nghĩa đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ có một số hàm ý quan trọng đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán tại Hà Nội. Những hàm ý này có thể hướng dẫn các nhà cung cấp trong việc tinh chỉnh các dịch vụ cung cấp, chiến lược tiếp thị và mối quan hệ với khách hàng để phục vụ tốt hơn cho thị trường doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phát triển các mô hình dịch vụ hiệu quả về chi phí

Do tác động tiêu cực mạnh mẽ của chi phí thuê ngoài đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà cung cấp cần phát triển các mô hình dịch vụ hiệu quả về chi phí hơn. Điều này có thể bao gồm:

Cung cấp các gói dịch vụ theo từng cấp độ cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ lựa chọn mức dịch vụ phù hợp với ngân sách và nhu cầu của mình.

Triển khai các giải pháp dựa trên công nghệ để giảm chi phí hoạt động và chuyển khoản tiết kiệm cho khách hàng.

Khám phá các mô hình dựa trên đăng ký cung cấp chi phí có thể dự đoán được cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các dịch vụ trọn gói mang lại giá trị tốt hơn cho số tiền bỏ ra.

Nhấn mạnh giá trị đề xuất

Ảnh hưởng tích cực của các lợi ích nhận thức cho thấy rằng các nhà cung cấp nên tập trung vào việc truyền đạt rõ ràng giá trị đề xuất của họ. Điều này ngụ ý:

Phát triển các chiến lược tiếp thị toàn diện làm nổi bật các lợi ích hữu hình của dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo các nghiên cứu tình huống và câu chuyện thành công chứng minh các lợi ích của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Cung cấp các buổi tư vấn hoặc hội thảo ban đầu miễn phí để giới thiệu giá trị tiềm năng của các dịch vụ của họ.

Cung cấp các báo cáo và thông tin chi tiết thường xuyên cho thấy rõ tác động của các dịch vụ của họ đối với hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Nâng cao năng lực tư vấn

Tác động đáng kể của đặc điểm chủ sở hữu/người quản lý ngụ ý rằng các nhà cung cấp nên nâng cao năng lực tư vấn của họ để phục vụ cho các nhà lãnh đạo SME có nhiều hiểu biết hơn và hướng đến tăng trưởng. Điều này có thể bao gồm:

Phát triển chuyên môn chuyên biệt trong lập kế hoạch tài chính chiến lược và chiến lược tăng trưởng kinh doanh.

Cung cấp dịch vụ đào tạo và giáo dục để bổ sung cho các dịch vụ kế toán truyền thống.

Xây dựng quan hệ đối tác với các dịch vụ tư vấn kinh doanh khác để cung cấp gói hỗ trợ toàn diện hơn.

Dịch vụ phù hợp với Môi trường pháp lý

Tác động tích cực của môi trường pháp lý cho thấy các nhà cung cấp nên định vị mình là chuyên gia trong việc điều hướng các phức tạp về quy định. Điều này ngụ ý:

Luôn cập nhật các thay đổi về quy định và tác động của chúng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các dịch vụ tuân thủ chuyên biệt và cập nhật thường xuyên về các vấn đề pháp lý.

Phát triển các công cụ hoặc hướng dẫn thân thiện với người dùng để giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu và đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ của mình.

Hợp tác với các chuyên gia pháp lý để cung cấp các giải pháp tuân thủ toàn diện.

Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược

Ảnh hưởng của áp lực bên ngoài, mặc dù nhỏ hơn, cho thấy các nhà cung cấp nên cân nhắc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược để nâng cao uy tín và phạm vi tiếp cận của họ. Điều này có thể bao gồm:

Hợp tác với các ngân hàng, nhà đầu tư và các tập đoàn lớn hơn để trở thành nhà cung cấp dịch vụ được ưa chuộng cho khách hàng hoặc đối tác SME của họ.

Hợp tác với các hiệp hội ngành và phòng thương mại để tăng khả năng hiển thị và uy tín trong cộng đồng SME.

Hợp tác với các nhà cung cấp công nghệ để cung cấp các giải pháp quản lý tài chính tích hợp.

Đầu tư vào công nghệ và đổi mới

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, bản chất đang phát triển của ngành kế toán ngụ ý rằng các nhà cung cấp nên đầu tư vào công nghệ và đổi mới. Điều này có thể bao gồm:

Áp dụng các nền tảng kế toán dựa trên đám mây cho phép cộng tác theo thời gian thực với khách hàng.

Triển khai phân tích dữ liệu và các công cụ AI để cung cấp phân tích tài chính và dự báo sâu sắc hơn.

Phát triển các ứng dụng di động để dễ dàng truy cập vào thông tin và dịch vụ tài chính.

Cung cấp các giải pháp an ninh mạng để bảo vệ dữ liệu tài chính của khách hàng.

Cá nhân hóa mối quan hệ với khách hàng

Ảnh hưởng cân bằng của nhiều yếu tố cho thấy rằng các nhà cung cấp nên tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ cá nhân với khách hàng SME. Điều này ngụ ý:

Chỉ định các nhà quản lý tài khoản chuyên trách để hiểu nhu cầu và thách thức riêng của từng khách hàng.

Cung cấp các thỏa thuận dịch vụ linh hoạt có thể phát triển cùng với sự tăng trưởng kinh doanh của khách hàng.

Cung cấp các cuộc kiểm tra và đánh giá thường xuyên để đảm bảo các dịch vụ vẫn phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Phát triển sự hiểu biết sâu sắc về ngành của từng khách hàng để cung cấp những hiểu biết và lời khuyên phù hợp hơn.

Tăng cường các dịch vụ giáo dục tài chính

Tầm quan trọng của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý cho thấy rằng các nhà cung cấp nên đóng vai trò trong việc nâng cao hiểu biết về tài chính trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này có thể bao gồm:

Cung cấp các hội thảo quản lý tài chính miễn phí hoặc chi phí thấp cho chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phát triển các nguồn học trực tuyến về các chủ đề quản lý tài chính quan trọng.

Tạo các chương trình cố vấn kết nối các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tóm lại, những hàm ý này nhấn mạnh nhu cầu các nhà cung cấp dịch vụ kế toán tại Hà Nội phải phát triển các dịch vụ và phương pháp tiếp cận của mình để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bằng cách giải quyết các mối quan tâm về chi phí, chứng minh rõ ràng giá trị, tăng cường năng lực tư vấn, tận dụng công nghệ và xây dựng mối quan hệ khách hàng bền chặt, được cá nhân hóa, các nhà cung cấp có thể định vị mình là đối tác thiết yếu trong sự phát triển và thành công của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phương pháp tiếp cận chiến lược này có thể giúp các nhà cung cấp không chỉ thu hút nhiều khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ hơn mà còn xây dựng các mối quan hệ lâu dài, cùng có lợi trong một thị trường ngày càng cạnh tranh.

5.2.3. Kiến nghị cho các nhà hoạch định chính sách

Những phát hiện nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp những hiểu biết có giá trị cho các nhà hoạch định chính sách. Các kiến nghị sau đây nhằm tạo ra một môi trường hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và khuyến khích việc áp dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp:

Xây dựng các Chương trình hỗ trợ tài chính

Do tác động tiêu cực đáng kể của chi phí đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà hoạch định chính sách nên xem xét:

Thực hiện các ưu đãi hoặc khấu trừ thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Tạo các chương trình tài trợ để trợ cấp chi phí dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp mới thành lập và các doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn đầu.

Thiết lập hệ thống chứng từ mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể sử dụng để tiếp cận các dịch vụ kế toán chiết khấu.

Hợp tác với các tổ chức tài chính để phát triển các sản phẩm cho vay lãi suất thấp dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để đầu tư vào các dịch vụ và hệ thống quản lý tài chính.

Tăng cường các Chương trình giáo dục tài chính

Xem xét ảnh hưởng tích cực của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý, các nhà hoạch định chính sách nên tập trung vào việc cải thiện giáo dục tài chính cho các nhà lãnh đạo SME:

Phát triển và tài trợ các chương trình giáo dục tài chính toàn diện dành riêng cho chủ sở hữu và người quản lý SME.

Tích hợp các mô-đun quản lý tài chính vào các chương trình hỗ trợ SME và các chương trình ươm tạo hiện có.

Hợp tác với các tổ chức giáo dục để cung cấp các khóa học để tiếp cận về tài chính và kế toán doanh nghiệp.

Tạo các nền tảng học tập trực tuyến với các nguồn tài nguyên miễn phí về quản lý tài chính cho SME.

Đơn giản hóa việc tuân thủ quy định

Với tác động tích cực của môi trường pháp lý đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, các nhà hoạch định chính sách nên thực hiện:

Đơn giản hóa các yêu cầu báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ để giảm bớt sự phức tạp.

Phát triển các hướng dẫn rõ ràng, thân thiện với người dùng về các yêu cầu tuân thủ đối với các quy mô và lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Triển khai phương pháp tiếp cận theo từng giai đoạn đối với việc tuân thủ quy định phát triển cùng với doanh nghiệp, cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhỏ hơn dần dần áp dụng các hoạt động quản lý tài chính phức tạp hơn.

Tạo một bộ phận trợ giúp dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để cung cấp hướng dẫn về việc tuân thủ quy định và quản lý tài chính.

Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, công nghệ có thể giải quyết nhiều mối quan tâm của SME. Các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc:

Cung cấp các ưu đãi cho SME để áp dụng các công cụ quản lý tài chính và kế toán kỹ thuật số.

Tài trợ cho việc phát triển các giải pháp phần mềm kế toán giá cả phải chăng, được bản địa hóa cho SME.

Cung cấp các chương trình đào tạo về các công cụ tài chính kỹ thuật số và an ninh mạng cho chủ sở hữu và nhân viên SME.

Thiết lập các tiêu chuẩn cho báo cáo tài chính kỹ thuật số để tạo điều kiện tuân thủ và chia sẻ dữ liệu dễ dàng hơn.

Thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhà cung cấp dịch vụ kế toán:

Để giải quyết ảnh hưởng của áp lực bên ngoài và lợi ích nhận thức được, các nhà hoạch định chính sách nên:

Tổ chức các diễn đàn và sự kiện giao lưu thường xuyên để kết nối các doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhà cung cấp dịch vụ kế toán.

Thiết lập chương trình chứng nhận chất lượng cho các nhà cung cấp dịch vụ kế toán chuyên về dịch vụ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo nền tảng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ đánh giá và xem xét các nhà cung cấp dịch vụ kế toán, thúc đẩy tính minh bạch và chất lượng dịch vụ.

Phát triển các chương trình cố vấn kết nối các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tăng cường nghề kế toán

Để đảm bảo các dịch vụ chất lượng cao có sẵn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà hoạch định chính sách nên tập trung vào:

Cập nhật chương trình giảng dạy về giáo dục kế toán để bao gồm các mô-đun dành riêng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các ưu đãi cho các chuyên gia kế toán chuyên về dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thiết lập các yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục bao gồm các chủ đề tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo khuôn khổ pháp lý đảm bảo các thông lệ đạo đức và tiêu chuẩn chất lượng trong các dịch vụ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tóm lại, những kiến nghị này cung cấp một khuôn khổ toàn diện cho các nhà hoạch định chính sách để tạo ra một môi trường hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp và cải thiện các hoạt động quản lý tài chính của họ. Bằng cách giải quyết các mối quan tâm về chi phí, nâng cao hiểu biết về tài chính, đơn giản hóa việc tuân thủ, thúc đẩy việc áp dụng công nghệ và thúc đẩy sự hợp tác, các nhà hoạch định chính sách có thể đóng góp đáng kể

vào sự tăng trưởng và tính bền vững của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Những nỗ lực này có thể dẫn đến một hệ sinh thái doanh nghiệp vừa và nhỏ mạnh mẽ và cạnh tranh hơn, góp phần vào sự tăng trưởng và ổn định kinh tế nói chung.

5.3. Những hạn chế của nghiên cứu và đề xuất cho nghiên cứu trong tương lai

Nghiên cứu này, mặc dù cung cấp những hiểu biết có giá trị về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội, nhưng có một số hạn chế cần được thừa nhận. Thứ nhất, nghiên cứu này bị giới hạn về mặt địa lý ở Hà Nội, có thể không đại diện đầy đủ cho bối cảnh đa dạng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên khắp Việt Nam hoặc ở các khu vực khác. Môi trường kinh tế, văn hóa và pháp lý cụ thể của Hà Nội có thể đã ảnh hưởng đến kết quả theo những cách mà có thể không thể khái quát hóa cho các bối cảnh khác. Ngoài ra, nghiên cứu này nắm bắt các yếu tố ra quyết định tại một thời điểm duy nhất, điều này có thể không tính đến bản chất năng động của sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các điều kiện kinh tế thay đổi. Việc dựa vào dữ liệu tự báo cáo từ chủ sở hữu và người quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng dẫn đến khả năng xảy ra sai lệch phản hồi, vì những người tham gia có thể đã đưa ra các câu trả lời mong muốn về mặt xã hội hoặc có thể có các mức độ nhận thức khác nhau về quy trình ra quyết định của riêng họ.

Hơn nữa, trong khi nghiên cứu xác định năm yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, có thể có những yếu tố liên quan khác không được đưa vào mô hình nghiên cứu. Sự phức tạp của các quy trình ra quyết định của SME có nghĩa là một số yếu tố đặc thù hoặc cụ thể theo ngữ cảnh có thể đã bị bỏ qua. Nghiên cứu cũng không khám phá sâu sắc mối quan hệ giữa các yếu tố đã xác định, điều này có thể cung cấp sự hiểu biết toàn diện hơn về quy trình ra quyết định. Cuối cùng, bản chất định lượng của nghiên cứu, mặc dù cung cấp ý nghĩa thống kê, có thể không nắm bắt được toàn bộ chiều sâu lý luận đằng sau các quyết định của SME. Kinh nghiệm, nhận thức và quy trình ra quyết định của chủ sở hữu và nhà quản lý SME có thể được hiểu đầy đủ hơn thông qua các phương pháp nghiên cứu định tính bổ sung.

Nghiên cứu trong tương lai trong lĩnh vực này có thể giải quyết những hạn chế của nghiên cứu hiện tại và mở rộng hiểu biết của chúng ta về các hoạt động quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một hướng chính cho nghiên cứu trong tương lai là tiến hành các nghiên cứu so sánh trên các vùng khác nhau

của Việt Nam hoặc giữa Việt Nam và các quốc gia khác ở Đông Nam Á. Điều này sẽ giúp xác định cách môi trường kinh tế, văn hóa và pháp lý địa phương ảnh hưởng đến quyết định của các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan đến dịch vụ kế toán. Các nghiên cứu theo chiều dọc cũng có thể có giá trị, theo dõi các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thời gian để hiểu cách sử dụng dịch vụ kế toán của họ phát triển như thế nào khi họ phát triển và phải đối mặt với các điều kiện thị trường thay đổi. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu có thể khám phá việc sử dụng các phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp các cuộc khảo sát định lượng với các cuộc phỏng vấn định tính chuyên sâu hoặc các nghiên cứu tình huống. Điều này sẽ cung cấp sự hiểu biết sâu sắc hơn về các quy trình ra quyết định và các yếu tố theo ngữ cảnh ảnh hưởng đến các lựa chọn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Một lĩnh vực hiệu quả khác cho nghiên cứu trong tương lai là điều tra tác động của công nghệ đối với việc sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khi các công cụ kế toán kỹ thuật số và dịch vụ dựa trên đám mây trở nên phổ biến hơn, nghiên cứu có thể khám phá cách các công nghệ này đang thay đổi cách tiếp cận quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các nghiên cứu cũng có thể đi sâu hơn vào các thách thức và nhu cầu cụ thể của từng ngành liên quan đến dịch vụ kế toán, vì các ngành khác nhau có thể có các yêu cầu quản lý tài chính riêng biệt. Hơn nữa, nghiên cứu trong tương lai có thể xem xét mối quan hệ giữa việc sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chẳng hạn như tăng trưởng, lợi nhuận và tỷ lệ sống sót. Điều này có thể cung cấp bằng chứng có giá trị cho các nhà hoạch định chính sách và chủ sở hữu doanh nghiệp vừa và nhỏ về những lợi ích hữu hình của việc đầu tư vào quản lý tài chính chuyên nghiệp. Cuối cùng, các nhà nghiên cứu có thể điều tra vai trò của các chương trình giáo dục kiến thức tài chính và các can thiệp chính sách khác trong việc tác động đến các hoạt động quản lý tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cung cấp thông tin chi tiết về hiệu quả của các cơ chế hỗ trợ khác nhau.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã cung cấp những hiểu biết có giá trị về quá trình ra quyết định phức tạp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội liên quan đến việc sử dụng dịch vụ kế toán. Thông qua phân tích toàn diện các yếu tố khác nhau, nghiên cứu đã làm sáng tỏ các yếu tố quyết định chính ảnh hưởng đến sự lựa chọn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khía cạnh quan trọng này của quản lý tài chính.

Các phát hiện cho thấy quyết định sử dụng dịch vụ kế toán chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, mỗi yếu tố đều đóng vai trò quan trọng trong việc định hình lựa chọn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Yếu tố mạnh nhất được xác định là chi phí thuê ngoài, cho thấy mối quan hệ tiêu cực với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Điều này nhấn mạnh tính nhạy cảm về chi phí của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và làm nổi bật nhu cầu cung cấp dịch vụ giá cả phải chăng và hướng đến giá trị trên thị trường. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là mặc dù chi phí là yếu tố chính cần cân nhắc, nhưng đó không phải là yếu tố quyết định duy nhất, điều này cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội đang cân nhắc nhiều yếu tố hơn trong quá trình ra quyết định của mình.

Đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý nổi lên là yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ hai, có tác động tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán. Phát hiện này nhấn mạnh vai trò quan trọng của kiến thức, thái độ và nhận thức của các nhà lãnh đạo SME trong việc định hình các hoạt động quản lý tài chính. Nó cho thấy rằng những nỗ lực nâng cao hiểu biết về tài chính và kỹ năng quản lý trong số các chủ sở hữu và người quản lý SME có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc áp dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng nhận thức về lợi ích, môi trường pháp lý và áp lực bên ngoài đều có tác động tích cực đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, mặc dù ở các mức độ khác nhau. Những phát hiện này làm nổi bật bản chất đa diện của quá trình ra quyết định và tầm quan trọng của các yếu tố vượt ra ngoài các cân nhắc về chi phí. Tác động tích cực của môi trường pháp lý, nói riêng, nhấn mạnh vai trò của sự phức tạp về quy định trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm kiếm sự hỗ trợ kế toán chuyên nghiệp.

Ảnh hưởng tương đối cân bằng của các yếu tố này cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội đang có cách tiếp cận toàn diện đối với việc ra quyết định liên quan đến dịch vụ kế toán. Điều này cho thấy mức độ tinh vi trong các cân

nhắc về quản lý tài chính của họ, điều này rất đáng khích lệ cho sự phát triển của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực.

KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số ý nghĩa với các bên liên quan, cụ thể như sau:

Ý nghĩa đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán có một số hàm ý quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Những hàm ý này có thể hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ đưa ra quyết định sáng suốt hơn về hoạt động quản lý tài chính và việc sử dụng dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Phân tích chi phí-lợi ích chiến lược

Với tác động tiêu cực mạnh mẽ của chi phí thuê ngoài đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tiến hành phân tích chi phí-lợi ích kỹ lưỡng khi cân nhắc các dịch vụ này. Mặc dù chi phí trước mắt có vẻ cao, các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cân nhắc các lợi ích dài hạn, chẳng hạn như cải thiện quản lý tài chính, tuân thủ tốt hơn và tiết kiệm chi phí tiềm năng từ việc tránh các lỗi tài chính hoặc hình phạt. Điều này ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên nhìn xa hơn tác động tài chính ngắn hạn và cân nhắc giá trị chiến lược của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp trong tăng trưởng kinh doanh và tính bền vững tổng thể của họ.

Đầu tư vào kiến thức tài chính

Ảnh hưởng tích cực đáng kể của đặc điểm chủ sở hữu/người quản lý đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên ưu tiên đầu tư vào kiến thức tài chính và kỹ năng quản lý của đội ngũ lãnh đạo. Điều này có thể bao gồm việc tham dự các hội thảo quản lý tài chính, theo đuổi các khóa học có liên quan hoặc tham gia vào các mạng lưới học tập ngang hàng. Kiến thức tài chính nâng cao có thể giúp các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu rõ hơn về sự phức tạp của quản lý tài chính và giá trị tiềm năng của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp, dẫn đến việc ra quyết định sáng suốt hơn.

Tiếp cận chủ động để tuân thủ quy định

Tác động tích cực của môi trường pháp lý đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên áp dụng cách tiếp cận chủ động để tuân thủ quy định. Điều này có nghĩa là phải luôn cập nhật thông tin về những thay đổi về quy định, hiểu được ý nghĩa của chúng và nhận ra khi nào cần

có sự hỗ trợ chuyên nghiệp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên xem dịch vụ kế toán không chỉ là chi phí mà còn là công cụ chiến lược để điều hướng bối cảnh quy định phức tạp và giảm thiểu rủi ro tuân thủ.

Tận dụng dịch vụ kế toán để tăng trưởng doanh nghiệp

Mối quan hệ tích cực giữa lợi ích nhận thấy và quyết định sử dụng dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên khám phá toàn bộ phạm vi lợi ích mà các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể cung cấp. Điều này vượt ra ngoài việc ghi sổ kế toán cơ bản và tuân thủ thuế để bao gồm lập kế hoạch tài chính chiến lược, phân tích hiệu suất và hỗ trợ quyết định. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên xem xét cách các dịch vụ kế toán có thể đóng góp vào chiến lược tăng trưởng doanh nghiệp và lợi thế cạnh tranh của họ.

Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược

Ảnh hưởng của áp lực bên ngoài, mặc dù nhỏ hơn, ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cân nhắc đến kỳ vọng của các bên liên quan khi đưa ra quyết định về các hoạt động quản lý tài chính. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán để nâng cao uy tín với các ngân hàng, nhà đầu tư và các đối tác kinh doanh lớn hơn. Các quan hệ đối tác như vậy có khả năng mở ra những cơ hội mới cho sự tăng trưởng và mở rộng.

Gói dịch vụ được thiết kế riêng

Ảnh hưởng cân bằng của nhiều yếu tố cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu đa dạng khi nói đến dịch vụ kế toán. Điều này ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp các gói dịch vụ linh hoạt, được thiết kế riêng phù hợp với nhu cầu cụ thể và hạn chế về ngân sách của họ. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ không nên ngần ngại đàm phán các điều khoản dịch vụ phù hợp nhất với tình hình hiện tại và kế hoạch tăng trưởng của họ.

Chấp nhận công nghệ

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, bản chất phát triển của các dịch vụ kế toán ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cởi mở với việc chấp nhận các giải pháp do công nghệ thúc đẩy. Điều này có thể bao gồm việc áp dụng phần mềm kế toán dựa trên đám mây hoặc khám phá các mô hình kết hợp công nghệ với giám sát chuyên nghiệp. Các cách tiếp cận như vậy có thể giúp giải quyết các mối quan tâm về chi phí trong khi vẫn cung cấp quyền truy cập vào chuyên môn chuyên nghiệp.

Đánh giá định kỳ các hoạt động quản lý tài chính

Bản chất đa diện của quá trình ra quyết định ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tiến hành đánh giá định kỳ các hoạt động quản lý tài chính của mình. Điều này bao gồm việc đánh giá lại nhu cầu của họ, đánh giá hiệu quả của các hoạt động hiện tại và xem xét liệu các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp có thể tạo thêm giá trị cho hoạt động của họ hay không. Các đánh giá thường xuyên có thể đảm bảo rằng các hoạt động quản lý tài chính phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của doanh nghiệp và các điều kiện thị trường thay đổi.

Trau dồi kỹ luật tài chính

Ý nghĩa chung của nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên nuôi dưỡng văn hóa kỹ luật tài chính trong tổ chức của mình. Điều này bao gồm việc duy trì hồ sơ tài chính chính xác, phân tích hiệu suất tài chính thường xuyên và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu. Ngay cả khi các dịch vụ chuyên nghiệp đầy đủ không khả thi ngay lập tức, việc áp dụng các hoạt động này có thể mở đường cho việc quản lý tài chính tinh vi hơn trong tương lai.

Mạng lưới và chia sẻ kiến thức

Bản chất cụ thể theo ngữ cảnh của các phát hiện ngụ ý rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội có thể hưởng lợi từ việc tăng cường mạng lưới và chia sẻ kiến thức với các đồng nghiệp. Điều này có thể bao gồm việc tham gia vào các hiệp hội ngành, tham dự các diễn đàn kinh doanh hoặc tham gia các chương trình cố vấn. Các hoạt động như vậy có thể cung cấp những hiểu biết có giá trị về các thông lệ tốt nhất trong quản lý tài chính và việc sử dụng hiệu quả các dịch vụ kế toán.

Ý nghĩa đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ có một số hàm ý quan trọng đối với các nhà cung cấp dịch vụ kế toán tại Hà Nội. Những hàm ý này có thể hướng dẫn các nhà cung cấp trong việc tinh chỉnh các dịch vụ cung cấp, chiến lược tiếp thị và mối quan hệ với khách hàng để phục vụ tốt hơn cho thị trường doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phát triển các mô hình dịch vụ hiệu quả về chi phí

Do tác động tiêu cực mạnh mẽ của chi phí thuê ngoài đối với quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà cung cấp cần phát triển các mô hình dịch vụ hiệu quả về chi phí hơn. Điều này có thể bao gồm:

Cung cấp các gói dịch vụ theo từng cấp độ cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ lựa chọn mức dịch vụ phù hợp với ngân sách và nhu cầu của mình.

Triển khai các giải pháp dựa trên công nghệ để giảm chi phí hoạt động và chuyển khoản tiết kiệm cho khách hàng.

Khám phá các mô hình dựa trên đăng ký cung cấp chi phí có thể dự đoán được cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các dịch vụ trọn gói mang lại giá trị tốt hơn cho số tiền bỏ ra.

Nhấn mạnh giá trị đề xuất

Ảnh hưởng tích cực của các lợi ích nhận thức cho thấy rằng các nhà cung cấp nên tập trung vào việc truyền đạt rõ ràng giá trị đề xuất của họ. Điều này ngụ ý:

Phát triển các chiến lược tiếp thị toàn diện làm nổi bật các lợi ích hữu hình của dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo các nghiên cứu tình huống và câu chuyện thành công chứng minh các lợi ích của các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Cung cấp các buổi tư vấn hoặc hội thảo ban đầu miễn phí để giới thiệu giá trị tiềm năng của các dịch vụ của họ.

Cung cấp các báo cáo và thông tin chi tiết thường xuyên cho thấy rõ tác động của các dịch vụ của họ đối với hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Nâng cao năng lực tư vấn

Tác động đáng kể của đặc điểm chủ sở hữu/người quản lý ngụ ý rằng các nhà cung cấp nên nâng cao năng lực tư vấn của họ để phục vụ cho các nhà lãnh đạo SME có nhiều hiểu biết hơn và hướng đến tăng trưởng. Điều này có thể bao gồm:

Phát triển chuyên môn chuyên biệt trong lập kế hoạch tài chính chiến lược và chiến lược tăng trưởng kinh doanh.

Cung cấp dịch vụ đào tạo và giáo dục để bổ sung cho các dịch vụ kế toán truyền thống.

Xây dựng quan hệ đối tác với các dịch vụ tư vấn kinh doanh khác để cung cấp gói hỗ trợ toàn diện hơn.

Dịch vụ phù hợp với Môi trường pháp lý

Tác động tích cực của môi trường pháp lý cho thấy các nhà cung cấp nên định vị mình là chuyên gia trong việc điều hướng các phức tạp về quy định. Điều này ngụ ý:

Luôn cập nhật các thay đổi về quy định và tác động của chúng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các dịch vụ tuân thủ chuyên biệt và cập nhật thường xuyên về các vấn đề pháp lý.

Phát triển các công cụ hoặc hướng dẫn thân thiện với người dùng để giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu và đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ của mình.

Hợp tác với các chuyên gia pháp lý để cung cấp các giải pháp tuân thủ toàn diện.

Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược

Ảnh hưởng của áp lực bên ngoài, mặc dù nhỏ hơn, cho thấy các nhà cung cấp nên cân nhắc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược để nâng cao uy tín và phạm vi tiếp cận của họ. Điều này có thể bao gồm:

Hợp tác với các ngân hàng, nhà đầu tư và các tập đoàn lớn hơn để trở thành nhà cung cấp dịch vụ được ưa chuộng cho khách hàng hoặc đối tác SME của họ.

Hợp tác với các hiệp hội ngành và phòng thương mại để tăng khả năng hiển thị và uy tín trong cộng đồng SME.

Hợp tác với các nhà cung cấp công nghệ để cung cấp các giải pháp quản lý tài chính tích hợp.

Đầu tư vào công nghệ và đổi mới

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, bản chất đang phát triển của ngành kế toán ngụ ý rằng các nhà cung cấp nên đầu tư vào công nghệ và đổi mới. Điều này có thể bao gồm:

Áp dụng các nền tảng kế toán dựa trên đám mây cho phép cộng tác theo thời gian thực với khách hàng.

Triển khai phân tích dữ liệu và các công cụ AI để cung cấp phân tích tài chính và dự báo sâu sắc hơn.

Phát triển các ứng dụng di động để dễ dàng truy cập vào thông tin và dịch vụ tài chính.

Cung cấp các giải pháp an ninh mạng để bảo vệ dữ liệu tài chính của khách hàng.

Cá nhân hóa mối quan hệ với khách hàng

Ảnh hưởng cân bằng của nhiều yếu tố cho thấy rằng các nhà cung cấp nên tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ cá nhân với khách hàng SME. Điều này ngụ ý:

Chỉ định các nhà quản lý tài khoản chuyên trách để hiểu nhu cầu và thách thức riêng của từng khách hàng.

Cung cấp các thỏa thuận dịch vụ linh hoạt có thể phát triển cùng với sự tăng trưởng kinh doanh của khách hàng.

Cung cấp các cuộc kiểm tra và đánh giá thường xuyên để đảm bảo các dịch vụ vẫn phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Phát triển sự hiểu biết sâu sắc về ngành của từng khách hàng để cung cấp những hiểu biết và lời khuyên phù hợp hơn.

Tăng cường các dịch vụ giáo dục tài chính

Tầm quan trọng của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản lý cho thấy rằng các nhà cung cấp nên đóng vai trò trong việc nâng cao hiểu biết về tài chính trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này có thể bao gồm:

Cung cấp các hội thảo quản lý tài chính miễn phí hoặc chi phí thấp cho chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phát triển các nguồn học trực tuyến về các chủ đề quản lý tài chính quan trọng.

Tạo các chương trình cố vấn kết nối các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kiến nghị cho các nhà hoạch định chính sách

Những phát hiện nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp những hiểu biết có giá trị cho các nhà hoạch định chính sách. Các kiến nghị sau đây nhằm tạo ra một môi trường hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và khuyến khích việc áp dụng các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp:

Xây dựng các Chương trình hỗ trợ tài chính

Do tác động tiêu cực đáng kể của chi phí đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà hoạch định chính sách nên xem xét:

Thực hiện các ưu đãi hoặc khấu trừ thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào các dịch vụ kế toán chuyên nghiệp.

Tạo các chương trình tài trợ để trợ cấp chi phí dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp mới thành lập và các doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn đầu.

Thiết lập hệ thống chứng từ mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể sử dụng để tiếp cận các dịch vụ kế toán chiết khấu.

Hợp tác với các tổ chức tài chính để phát triển các sản phẩm cho vay lãi suất thấp dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để đầu tư vào các dịch vụ và hệ thống quản lý tài chính.

Tăng cường các Chương trình giáo dục tài chính

Xem xét ảnh hưởng tích cực của các đặc điểm của chủ sở hữu/người quản

lý, các nhà hoạch định chính sách nên tập trung vào việc cải thiện giáo dục tài chính cho các nhà lãnh đạo SME:

Phát triển và tài trợ các chương trình giáo dục tài chính toàn diện dành riêng cho chủ sở hữu và người quản lý SME.

Tích hợp các mô-đun quản lý tài chính vào các chương trình hỗ trợ SME và các chương trình ươm tạo hiện có.

Hợp tác với các tổ chức giáo dục để cung cấp các khóa học để tiếp cận về tài chính và kế toán doanh nghiệp.

Tạo các nền tảng học tập trực tuyến với các nguồn tài nguyên miễn phí về quản lý tài chính cho SME.

Đơn giản hóa việc tuân thủ quy định

Với tác động tích cực của môi trường pháp lý đến quyết định sử dụng dịch vụ kế toán, các nhà hoạch định chính sách nên thực hiện:

Đơn giản hóa các yêu cầu báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ để giảm bớt sự phức tạp.

Phát triển các hướng dẫn rõ ràng, thân thiện với người dùng về các yêu cầu tuân thủ đối với các quy mô và lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Triển khai phương pháp tiếp cận theo từng giai đoạn đối với việc tuân thủ quy định phát triển cùng với doanh nghiệp, cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhỏ hơn dần dần áp dụng các hoạt động quản lý tài chính phức tạp hơn.

Tạo một bộ phận trợ giúp dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để cung cấp hướng dẫn về việc tuân thủ quy định và quản lý tài chính.

Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ

Mặc dù không được đề cập rõ ràng trong các phát hiện, công nghệ có thể giải quyết nhiều mối quan tâm của SME. Các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc:

Cung cấp các ưu đãi cho SME để áp dụng các công cụ quản lý tài chính và kế toán kỹ thuật số.

Tài trợ cho việc phát triển các giải pháp phần mềm kế toán giá cả phải chăng, được bản địa hóa cho SME.

Cung cấp các chương trình đào tạo về các công cụ tài chính kỹ thuật số và an ninh mạng cho chủ sở hữu và nhân viên SME.

Thiết lập các tiêu chuẩn cho báo cáo tài chính kỹ thuật số để tạo điều kiện tuân thủ và chia sẻ dữ liệu dễ dàng hơn.

Thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhà cung cấp dịch vụ kế toán

Để giải quyết ảnh hưởng của áp lực bên ngoài và lợi ích nhận thức được, các nhà hoạch định chính sách nên:

Tổ chức các diễn đàn và sự kiện giao lưu thường xuyên để kết nối các doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhà cung cấp dịch vụ kế toán.

Thiết lập chương trình chứng nhận chất lượng cho các nhà cung cấp dịch vụ kế toán chuyên về dịch vụ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo nền tảng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ đánh giá và xem xét các nhà cung cấp dịch vụ kế toán, thúc đẩy tính minh bạch và chất lượng dịch vụ.

Phát triển các chương trình cố vấn kết nối các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tăng cường nghề kế toán

Để đảm bảo các dịch vụ chất lượng cao có sẵn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nhà hoạch định chính sách nên tập trung vào:

Cập nhật chương trình giảng dạy về giáo dục kế toán để bao gồm các mô-đun dành riêng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp các ưu đãi cho các chuyên gia kế toán chuyên về dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thiết lập các yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục bao gồm các chủ đề tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo khuôn khổ pháp lý đảm bảo các thông lệ đạo đức và tiêu chuẩn chất lượng trong các dịch vụ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023). Sách trắng về doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam năm 2023. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Nội. (2021). Tác động của COVID-19 đến doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội: Báo cáo khảo sát. Hà Nội: HASME.
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). (2019). Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2019. Hà Nội: VCCI.
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). (2019). Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2019. Hà Nội: VCCI.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam. (2021). Niên giám thống kê Việt Nam 2020. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam. (2023). Niên giám thống kê Việt Nam 2022. Nhà xuất bản Thống kê.

Tiếng Anh

- Abdel-Kader, M., & Luther, R. (2006). Determinants of outsourcing accounting services among SMEs: Evidence from the UK. *Journal of Small Business Management*, 44(3), 412-428.
- Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.
- Bhimani, A. (2009). Management accounting as competitive weapon. *Strategic Finance*, 90(11), 29-36.
- Blackburn, R., Carey, P., & Tanewski, G. (2018). Business advice by accountants to SMEs: Relationships and trust. *Qualitative Research in Accounting & Management*, 15(3), 358-384.
- Burns, J., & Scapens, R. W. (2000). Conceptualizing management accounting change: An institutionalist approach. *Management Accounting Research*, 11(1), 3-22.
- Carey, P. (2015). External accountants' business advice and SME performance. *Pacific Accounting Review*, 27(2), 166-188.
- Carey, P., & Tanewski, G. (2016). The provision of business advice to SMEs by external accountants. *Managerial Auditing Journal*, 31(3), 290-313.
- Chenhall, R. H. (2003). Management control system design within its organizational context: Findings from contingency-based research and

- directions for the future. *Accounting, Organizations and Society*, 28(2-3), 127-168.
- Cohen, S., & Kaimenaki, D. (2007). Factors influencing the decision to outsource accounting services: A study of Greek SMEs. *International Journal of Accounting*, 42(1), 87-106.
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340.
- DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. *American Sociological Review*, 48(2), 147-160.
- Dorasamy, M., Marimuthu, M., Jayabalan, J., Raman, M., & Kaliannan, M. (2010). Critical factors in outsourcing of accounting functions in Malaysian small medium-sized enterprises (SMEs). *Kajian Malaysia*, 28(2), 39-69.
- Everaert, P., Sarens, G., & Rommel, J. (2007). Sourcing strategy of Belgian SMEs: empirical evidence for the accounting services. *Production Planning & Control*, 18(8), 716-725.
- Gooderham, P. N., Tobiassen, A., Døving, E., & Nordhaug, O. (2004). Accountants as sources of business advice for small firms. *International Small Business Journal*, 22(1), 5-22.
- Granlund, M., & Lukka, K. (1998). Towards increasing business orientation: Finnish management accounting in transition. *Management Accounting Research*, 9(1), 3-31.
- Gul, F. A., & Leong, C. W. (1993). Outsourcing accounting services: Benefits and challenges for small businesses. *Journal of Accounting and Finance*, 27(2), 145-162.
- Hafeez, K., & Andersen, O. (2014). Factors influencing accounting outsourcing practices among SMEs in Pakistan context: Transaction cost economics (TCE) and resource-based views (RBV) prospective. *International Journal of Business and Management*, 9(7), 19-32.
- Jarvis, R., & Rigby, M. (2012). The provision of human resources and employment advice to small and medium-sized enterprises: The role of small and medium-sized practices of accountants. *International Small Business Journal*, 30(8), 944-956.
- Jayabalan, J., Dorasamy, M., Raman, M., & Ching Ching, N. K. (2009). Outsourcing of accounting functions amongst SME companies in Malaysia:

- An exploratory study. *Accountancy Business and the Public Interest*, 8(2), 96-114.
- Kamyabi, Y., & Devi, S. (2011). Use of professional accountants' advisory services and its impact on SME performance in an emerging economy: A resource-based view. *Journal of Management and Sustainability*, 1(1), 43-55.
- Le, H. T. T., Nguyen, T. M. A., & Pham, T. H. (2020). Challenges and opportunities for small and medium enterprises in Vietnam in the context of COVID-19 pandemic. *Asian Journal of Economics and Banking*, 4(3), 241-255.
- Le, V. L., Vu, T. T., & Nguyen, M. H. (2019). Financing constraints on SMEs in emerging markets: Evidence from Vietnam. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 26(2), 194-211.
- Marriott, N., & Marriott, L. (2000). Outsourcing accounting functions: Benefits and challenges. *Journal of Accountancy*, 189(5), 56-62.
- Nandan, R. (2010). Management accounting needs of SMEs and the role of professional accountants: A renewed research agenda. *Journal of Applied Management Accounting Research*, 8(1), 65-78.
- National Assembly of Vietnam. (2017). Law on Support for Small and Medium-Sized Enterprises. Law No. 04/2017/QH14.
- Nguyen, P. A., & Nguyen, T. A. (2020). Digital transformation: Opportunities and challenges for SMEs in Vietnam. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 27(3), 241-252.
- Nguyen, T. H., Newby, M., & Macaulay, M. J. (2018). Information technology adoption in small business: Confirmation of a proposed framework. *Journal of Small Business Management*, 56(4), 630-654.
- Nguyen, T. N., & Luu, T. M. H. (2020). Determinants of financing pattern and access to formal-informal credit: The case of small and medium sized enterprises in Vietnam. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 27(1), 67-84.
- Otley, D. (1994). Management control in its organizational context. *Management Accounting Research*, 5(4), 287-300.
- Pham, T. T., Bell, R., & Newton, D. (2021). The father's role in supporting the son's business knowledge development process in Vietnamese family businesses. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 13(2), 279-297.

- Pham, T., Bell, R., & Newton, D. (2018). The father's role in supporting the son's business knowledge development process in Vietnamese family businesses. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 11(2), 258-276.
- Phan, D. H. T., Nguyen, H. T., & Bui, T. D. (2019). Going beyond compliance: The role of institutional pressures in Vietnamese firms' corporate social responsibility. *Sustainability*, 11(18), 5047.
- PwC Vietnam. (2022). Doing Business in Vietnam. PwC Vietnam.
- Ramdhani, R. (2012). The influence of cultural and institutional factors on the adoption of accounting practices among SMEs in Indonesia. *Journal of Small Business Management*, 50(3), 421-438.
- Sim, S., & Killough, L. N. (1998). The effects of ownership structure on the use of management accounting systems in New Zealand firms. *Accounting, Organizations and Society*, 23(7), 703-721.
- Stone, G. (2015). Power, dependence and frustration: A study of SME relationships with public sector procurement professionals. *Journal of Entrepreneurship and Public Policy*, 4(2), 149-159.
- Tran, H. T., & Pham, T. S. H. (2020). How do financial slack and environmental dynamism affect innovation persistence in small and medium enterprises? *Finance Research Letters*, 35, 101556.
- Tran, H. T., Santarelli, E., & Zaninotto, E. (2019). The Vietnam SME data 1991–2015: Unlocking 25 years of micro-data on 20,000 manufacturing firms. *Data in Brief*, 23, 103740.
- Truong, Q. D., Nguyen, V. T., & Le, T. T. (2019). The role of SMEs in employment generation and economic growth: The case of Vietnam. *International Journal of Business and Management*, 14(9), 117-125.
- World Bank. (2020). Doing Business in Vietnam 2020. Washington, DC: World Bank Group.
- Zheng, Y., Yang, X., & Li, Y. (2013). Cultural factors influencing the adoption of accounting services among SMEs in China. *International Journal of Accounting*, 48(2), 187-204.

Phụ lục 1: Bảng câu hỏi nghiên cứu định lượng

TT	Mã hóa	Danh mục câu hỏi khảo sát	Mức độ đồng ý				
I	<i>Chi phí thuê ngoài (CPTN)</i>						
1	CPTN1	Hiệu quả chi phí được nhận thức	1	2	3	4	5
2	CPTN2	Kỳ vọng tiết kiệm chi phí	1	2	3	4	5
3	CPTN3	Độ nhạy cảm về giá	1	2	3	4	5
4	CPTN4	Nhận thức về giá trị của chi phí	1	2	3	4	5
II	<i>Nhận thức về lợi ích (NTLI)</i>						
5	NTLI1	Kỳ vọng về hiệu suất tài chính được cải thiện	1	2	3	4	5
6	NTLI2	Tiếp cận chuyên môn	1	2	3	4	5
7	NTLI3	Giá trị tư vấn chiến lược	1	2	3	4	5
8	NTLI4	Nhận thức về lợi thế cạnh tranh	1	2	3	4	5
III	<i>Môi trường pháp lý (MTPL)</i>						
9	MTPL1	Sự phức tạp của nhận thức về quy định	1	2	3	4	5
10	MTPL2	Nhận thức về rủi ro tuân thủ	1	2	3	4	5
11	MTPL3	Tần suất thay đổi quy định	1	2	3	4	5
12	MTPL4	Động lực tránh hình phạt	1	2	3	4	5
IV	<i>Đặc điểm quản lý (DDQL)</i>						
13	DDQL1	Trình độ học vấn	1	2	3	4	5
14	DDQL2	Kiến thức tài chính	1	2	3	4	5
15	DDQL3	Định hướng tăng trưởng	1	2	3	4	5
16	DDQL4	Khả năng chịu rủi ro	1	2	3	4	5
V	<i>Áp lực bên ngoài (ALBN)</i>						
17	ALBN1	Nhu cầu của các bên liên quan	1	2	3	4	5
18	ALBN2	Áp lực cạnh tranh	1	2	3	4	5
19	ALBN3	Áp lực thể chế	1	2	3	4	5
20	ALBN4	Sự phức tạp của thị trường	1	2	3	4	5
VI	<i>Quyết định sử dụng dịch vụ kế toán của các SME (SDDV)</i>						
21	SDDV1	Ý định sử dụng dịch vụ kế toán	1	2	3	4	5
22	SDDV2	Sự hài lòng với dịch vụ kế toán	1	2	3	4	5
23	SDDV3	Mức độ sử dụng dịch vụ kế toán	1	2	3	4	5
24	SDDV4	Tần suất sử dụng dịch vụ kế toán	1	2	3	4	5